

THANH-NGH!

NGHỊ-LUẬN, VĂN-CHƯƠNG, KHẢO-CỨU

Chủ nhiệm: VŨ ĐÌNH HÒE

TRONG SỐ NÀY :

- | | |
|--|-------------------|
| — Tự hạ. | ĐỖ ĐỨC DỤC |
| — Gia-dình và giáo-đục : Chương trình dạy trong các lớp học bình dân — Lớp cao - đẳng người lớn. | VŨ ĐÌNH HÒE |
| — Điều tra nhỏ : Những tiểu đồn điền. | NGHIÊM XUÂN YÊM |
| — Nghiên cứu về Nguyễn Du và truyện Kiều (Tiếp theo). | ĐÌNH GIA TRINH |
| — Danh văn ngoại quốc : Tập văn trong văn học Trung-quốc ngày nay — Bàn về chữ « Nhân » (Nguyên văn của Trần tử Triển) | VÔ TÂM dịch |
| — Người và lợn (truyện ngắn) | NGUYỄN LƯƠNG NGỌC |
| — Tư tưởng xã-hội học hiện đại : Học phái Le Play. | A. A. dịch |
| — Sử liệu : Sử ta so với sử Tàu. Ứng-hòe | NGUYỄN VĂN TỔ |
| — Đọc sách mới. | L. H. V. |
| — Việc quốc tế | Đ. Đ. D. |

NĂM THỨ BA: SỐ 62 — NGÀY 29 AVRIL 1944

BAO THANH NGHI

THÔNG HIỂU SỰ VẬT VÀ TƯ TƯỞNG — THU NHẬP TÀI LIỆU ĐỂ GÓP
VÀO VIỆC GIẢI QUYẾT NHỮNG VẤN ĐỀ QUAN HỆ ĐẾN ĐỜI SỐNG CỦA
DÂN TỘC VIỆT-NAM — PHỤNG SỰ MỘT NỀN NGHỆ THUẬT CHÂN CHÍNH.

Trong số 29 Avril 1944

— Hai đường	VŨ VĂN HIỀN
— Nguồn gốc và đặc tính của hiện, pháp Truug-hoa.	PHAN ANH
— Vấn-đề phương-pháp sử học	THANH TUYỀN
— Bệnh đau mắt hột tại làng Khương-hạ	VŨ VĂN CẦN
— Phải chăng xã-hội tư bản đã đến hồi tàn.	VŨ VĂN HIỀN
— Màu sắc	MAI ANH
— Xã-hội Việt-nam từ thế-kỷ thứ XVII.	NGUYỄN TRỌNG PHẤN
— Lớp đệ nhị B (Truyện ngắn — nguyên văn của Pitigrilli) .	HUYỀN KIỀU dịch
— Giáo-dục âm nhạc	VĂN HOA

Sách mới

Chúng tôi nhận được :

- 1) *Trên đường nghệ-thuật* của Vũ ngọc Phan xuất bản lần thứ hai.
- 2) *Ngậm ngải tìm trầm* của Thanh-Tĩnh, Thời Đại xuất bản.
- 3) *Đạo Phật Nhứt-bồn*, của Giáo Sư Daisetz Teitaro Suzuki Sở Du lịch Nhứt bồn xuất bản,
- 4) *Zyudo (Zyuzyutu)*, của Tồ-Sư Zigorô Kanô, Sở Du lịch Nhứt-bồn xuất bản.
- 5) *Khảo luận về Kim vân Kiều*, của Đào duy Anh, — Quan-Hải tùng thư.
- 6) *Trung-Hoa sử cương*, của Đào duy Anh, Quan-hải tùng-thư.
- 7) *Thượng-chi văn tập*, tập II của Phạm Quỳnh — Hội Alexandre de Rhodes xuất-bản.
- 8) *Bác giảng địa chí*, của Nhật-Nam Trịnh như Tấu.

Xin cảm ơn các nhà gửi tặng và giới-thiệu cùng bạn đọc.

KÍNH CẢO BẠN ĐỌC BÁO KHOA-HỌC

Vì tình thế hiện thời công việc ấn loát bị đình trệ, báo Khoa-học bắt buộc phải xuất bản số tháng giêng và tháng hai, tháng ba và tháng tư năm 1944 — hai tháng làm một số. Từ tháng năm lại sẽ xuất bản hằng tháng như thường.

Số 25 sẽ xuất bản vào cuối tháng này Mong độc giả lượng thứ.
Báo Khoa-học

QUOC-HOC THU-XA

MỚI PHÁT HÀNH :

VIỆT HOA THÔNG SỬ .. giá 5\$00

SẮP PHÁT HÀNH :

Lược luận về PHỤ NỮ VIỆT NAM
Luận-Lý DU THUYẾT YẾU THUẬT
Lịch-sử BÁO CHÍ HOÀN CẦU
NGHỆ THUẬT VÀ DANH GIÁO

THƯ-TỪ VÀ NGÂN PHIẾU XIN ĐỀ TÊN
M. LÊ VĂN HOÈ 16bis Tien Tsin Hanoi

TU' HA

DO DUC DUC

Trước một bài tính đổ khó khăn, một người học trò thoát tiên đã khăng khăng yền-trị sức mình không giải nổi. Dù người đó có thể làm được miễn là hắn chịu cố gắng, mà dù về sau hắn cũng đổ g vào làm đấy nhưng vì sự yền-trị tai hại kia ám ảnh ráo riết, hắn đã tự lấn mình xuống cái dốc thất bại không bề cứu-vãn.

Trước một địch-thủ dũng mãnh, một đội bạn thoát tiên đã cảm thấy rợn người và yền-trị mình sẽ thua. Dù đội bạn đó có đủ lực lượng để chống chọi và làm bại được đối phương miễn là họ rán sức lên một chút, nhưng mỗi cảm-giác đầu tiên tự cho mình là kém, đã như một liều thuốc tan làm rã rời cả tinh thần chiến-đấu.

Điều tâm-lý thông thường trên đây không mấy người chúng ta không biết. Tuy nhiên, làm đến lúc xử-sự ở đời, trên trường tranh-đấu cá-nhân hay đoàn-thể nhiều khi quên bẵng.

Chúng ta còn phải rày cớng rèn luyện tinh-thần để thoát-ly vòng cấu-thúc cay nghiệt của cái tâm-trạng hèn-mọn và tai-hại kia mà trong khoa tâm-lý-học người ta thường gọi là «tự ty mặc cảm» (complexe d'infériorité).

Có nhẽ vì chúng ta đã chịu ảnh hưởng thấm-thía của cái gia-đình giáo-dục nghiêm-khắc xưa kia không bao giờ cho một người con hay em trong gia-đình, dù đã trưởng thành, được đề cho cá-tính, bản-năng của mình tự-do phát-triển, và nhất nhất họ phải khúm núm, tuân thừa mệnh lệnh độc đoán của bậc cha anh.

Có nhẽ vì lòng tự-phụ ngồng cuồng, vô-ly của ông cha xưa ngày kia gặp một uy-quyền mãnh-liệt ở đâu đến đẹp đi và cưỡng chế một cách thảm-hại hãi-hùng, mà tự đó con cháu về sau tiếm nhiễm được cái tính sợ-sệt, rút rút, và nhất là lòng tự-hạ dần dần thấm nhập đến cốt tủy. Đến đời không còn cả lấy một chút phản-ứng tự-vệ (réflexe de défense) cần cho con người trên trường tranh-đấu, đào thải của đời.

Đáng ghét thay là cái tính tự-phụ vô-ý-thức, nhưng đáng sợ bết bao nhiều là cái lòng tự-hạ đui-mù !

Bình-pháp xưa đã nói: « Biết mình biết người, trăm trận đánh trăm trận được ».

Biết mình: ~~Cho~~ ~~đã~~ ~~mấy~~ ai chịu tỉ mỉ phân-tích tâm-hồn mình để nhận rõ ~~đã~~ ~~và~~ sở-thực và sở-đạo của bản-thân, để biết sợ mà cũng biết-không sợ cho hợp lẽ.

Đến như sự biết người, thì người ta lại biết một cách quá đáng.

Nhà thơ ngu-ngốn xưa riếu con người đui mù trước những thói xấu của mình mà Thượng-Đế cho dựng vào chiếc túi ném sau lưng; trái lại họ sáng suốt quá chừng trước những thói xấu của người đứng trong chiếc túi đeo ngay trước ngực. Nhưng, tương hợp ngược lại không phải không thương có trong đời. người ta tự thêu dệt thói xấu của mình, và hệ-quan thái-quan, tự nhìn mình xuống bậc hạ hèn; trái lại người ta bị chối lừa vì những điều hay của kẻ khác và táng bốc họ lên đến bậc thánh-thần. Mắc đứ đứ cũng chỉ là người, có hay mà cũng có dở, hoàn-thiện tìm đến trong cõi đời này. Chỉ tâm trạng nản lòng kia sẵn sàng đưa người ta đến chỗ thất-bại đau đớn.

*** * ***

Nói tóm lại muốn thành công trong một việc nếu người ta cần biết những nhược điểm của mình để mà tu bổ, thì cần hơn nữa người ta phải biết rõ những khả-năng của bản-thân để làm phát-triển lên và để lợi-dụng, đồng thời gây cho mình một ý mạnh quyết bề đắc-thắng. Máy ai như Nguyễn-Huệ xưa, trước kẻ thù phương Bắc dùng mãnh quật cường, vẫn quyết nắm vững thanh trượng trong tay, định trước ngày vào thành Thăng-Lạc ca khải-khải-hoân. Ấy thế là sự thực rồi phải đáp theo cái ý mà lòng mình viết sẵn bậc anh-hùng, như cây cổ ngã theo trận đại-phong chấn ngược.

Cho nên, ta hãy nhận rõ những khả-năng của ta và cần phải quả quyết ta có thể bằng người.

ĐỖ ĐỨC DỤC

THỐNG CHẾ PÉTAIN ĐÃ NÓI :

Các người không thể trở lại cái thời cũ được. Các người hãy một lòng hợp tác để đợi cuộc hòa bình, đừng để trong nước rối ren. Chính phủ phải được nhân dân trọng vọng mà tuân theo.

GIA-ĐÌNH VÀ GIÁO-DỤC

CHƯƠNG TRÌNH DẠY TRONG các lớp học bình dân

===== LỚP CAO ĐẲNG NGƯỜI LỚN (1) =====

VŨ ĐÌNH HÒE

III. — Chương trình và phương pháp dạy khoa địa dư

Cái khó trong sự dạy môn này không phải ở sự tìm một phương pháp thích hợp cho phái bình dân như về các món canh nông và vệ-sinh đã nói trong các kỳ trước mà ở những tài-liệu cần đến để soạn bài giảng

Vì địa-dư dạy ở đây là *địa-dư riêng cho một làng* hay một vùng gồm vài ba làng. Ta cứ nghĩ ngay địa-dư cả một xứ Bắc-kỳ hay Nam kỳ hay đến cả địa-dư toàn cõi Đông Dương cũng còn là một môn học rất mới mẻ, nhiều chỗ còn mơ hồ thì ta thấy cái chức vụ nặng nề của giảng-viên khi phải dạy địa-dư một địa-phương nhỏ gồm có một vài làng. Không còn dựa vào sách nào được cả. Giảng-viên phải là một nhà địa-dư học (sẵn cả một học vấn căn bản chắc chắn về khoa địa-dư và biết vận dụng phương pháp của khoa ấy) đã ra công khảo-cứu riêng cái vùng mà ở đó người ta định mở lớp cao-đẳng bình dân. Nhà học giả ấy sẽ chọn lọc trong những kết quả của công việc khảo cứu của mình một vài điều thiết thực đem giảng cho dân quê. — Đại khái những điều sau này :

1) địa-thế của làng,

Làng lập ở ven một con sông, hay cạnh một con đường, hay dưới một khúc đê, hay giáp một qua núi, hay giữa cánh đồng, hay lẩn sau một làng khác vân vân ? Phải tả cho rõ ràng và nói sự liên lạc với các vùng lân cận. Địa-thế ấy có gì lợi hay

bất lợi cho cuộc sinh-hoạt, ngoài những chuyện di đoan về phong thủy mà giảng viên cũng nên nói qua cho vui và tỏ sự lịch lãm của mình ! Xưa kia người ta đã biết lợi dụng địa-thế ấy như thế nào ? Hay chưa biết lợi dụng ? Nên lợi dụng như thế nào cho hợp uế và triệt để ? Nói ví dụ gần làng có một con sông con chảy qua xưa nay người ta chỉ dùng làm nơi giặt giũ. Mà ở trong làng lại có nghề làm nón, vật liệu, lá gồi, vẫn phải đi sang mua lại ở một tổng khác ở đây người ta cũng phải buôn của những thuyền ở đường ngược tải về. Nay xét ra, con sông con chảy qua làng có thể đưa thẳng đến chỗ bến có những thuyền trên đó lại. Đây là một sự tiện lợi của con sông trong việc mua lá gồi để làm nón mà tới nay người ta chưa nghĩ đến. Hoặc làng có một cái chợ dựng ở giữa làng cạnh mấy con đường nối với con đường cái yên tĩnh. Kề địa điểm ấy đã là tiện lợi cho người qua lại mua bán rồi vì ở vùng ấy có sản xuất một thứ gạo quý được dân tỉnh ưa chuộng. Nhưng nay xét ra, vì con đường cái kia đi xuyên qua cuối làng, đã được sửa sang và có ô tô vận tải qua lại, cái địa lợi của làng này lại tăng lên gấp bội và làng có thể thành một nơi mua bán sầm uất cho cả vùng về thứ nông sản kê ở trên nếu người ta mang cái chợ cũ đến dựng ở cuối làng ngay cạnh đường cái....

Phải nên rất thận trọng trong sự phê phán những ý kiến ấy: chỉ nên nói những ý kiến có thể chắc chắn là đúng, suy luận do những điều quan sát tình huống và có bằng chứng đích xác.

(1) Xem T. N. số 45, 48, 50, 53).

2) dân số của làng

Trong làng nam phụ lão ấu được tất cả bao người? Ruộng bãi được bao nhiêu mẫu? Tính trung bình mỗi năm gặt được bao nhiêu thúng thóc? Số ruộng số thóc chia cho nhân khẩu có đủ nuôi sống mỗi người không? So với mức trung bình hi hơn hay kém? So với những vùng lân cận thì vào hạng giàu hay nghèo?

Những điền-chủ trong làng chia làm bao nhiêu hạng? Hạng có trên 20 mẫu ruộng hạng có từ 10 đến 20 mẫu, hạng có từ 5 đến 10 mẫu, hạng có dưới năm mẫu, hạng vô sản, mỗi hạng gồm bao nhiêu gia đình và bao nhiêu người?

Trong bọn vô sản, có bao nhiêu người làm nghề cấy cấy, bao nhiêu người làm thợ công nghệ và buôn bán (dệt cửi, hàng xay hàng xáo, làm quà bánh...)?

Làng có bao nhiêu đất công? Ruộng bao nhiêu? Bãi bao nhiêu? Việc chia đất công cho dân đình như thế nào?

Những điều quan sát ở trên kê ra và giảng giải đề nêu lên những vấn-đề sinh-kế là những vấn-đề quan trọng nhất đối với dân quê.

Song muốn biết rõ những con số trên không phải là dễ. Ở nhiều làng sở đình, sở điền còn thiếu minh bạch và về nhiều con số phải bằng ở dưới khai của các chức dịch, những phôi khai rất khi được đáng hoặc vì sự nhầm lẫn, sự giấu diếm của họ. Nếu lớp học được mở ở một làng có những chức dịch đứng dân thực tâm muốn cộng tác trong công cuộc giáo dục bình dân thì vấn-đề này mới được nghiên cứu xác thực.

3) Sự hoạt-động kinh-tế ở trong làng

Cái ngành hoạt động kinh-tế quan trọng nhất là, ở làng nào cũng vậy, tất nhiên là nghề nông. Nghiên cứu sự hoạt động của dân làng về canh nông: tình-trạng hiện thời của nghề đó, những phương pháp khai khẩn cổ truyền, những sự thiếu thốn và sai lầm của lề lối cũ, — giảng giải những phương pháp mới của nghề giồng lúa và khuyến bảo những cái cách thiết thực thích hợp với nơi này, đó là thuộc phạm-vi chương trình dạy khoa canh-nông đã nói trong một kỳ trước (T.N. số 50)

Ở đây giảng-viên về khoa địa dư chỉ cần nói đến địa-vị nghề-nông trong cuộc sinh hoạt kinh-tế của dân làng, Nghề-nông có phải là nghề độc

nhất của dân làng không? Là nghề độc nhất, thì nghề ấy hiện giờ có đủ nuôi sống mọi người không? Nếu không đủ thì với những sự đổi mới theo phương pháp khoa học liệu có đủ được không? Hay phải thêm những nguồn lợi khác? Nguồn lợi khác sẽ phải tìm bằng những phương cách gì? (giồng rau, chăn tằm, nuôi lợn nuôi thỏ đàn thúng mủng v...?)

Ngoài nghề nông dân làng còn làm nghề gì? Hiện tình nghề đó thế nào? Nuôi sống được bao nhiêu người? Hoa lợi, thêm vào quỹ gia-đình được bao nhiêu? Có gặp khó khăn gì không? Nếu là một công nghệ thì nguyên liệu có đủ không? Sức sản xuất và sức tiêu-thụ như thế nào? Có thể giữ được địa-vị mãi mãi không? Có thể khuyến khích được không? Nên cải cách như thế nào?

Sau hết ta nên nói đến sự liên lạc kinh-tế của làng với các vùng lân cận. Hiện thời có liên lạc gì với nhau không? Kể thực ra sự liên lạc kinh-tế giữa các làng ta xưa nay rất mong manh. Ngoài sự đi lại mua bán ở các chợ, làng nào làng ấy sống riêng biệt như những «tiểu-quốc» độc lập có khi lại hiềm khích thù hận nhau. Thật là một hiện trạng đáng phàn nàn. Ta phải giảng cho dân quê hiểu sự quan trọng của sự liên lạc giữa các làng trong một vùng, cần thiết tới mức nhiều công việc kinh-tế như việc lập một cái chợ chung cho cả một vùng ở một địa điểm đặc biệt tiện lợi hoặc sẽ một cái lạch để lấy nước ở công dẫn thủy nhập điền, hoặc đắp một-con đường giao thông có lợi riêng cho việc buôn bán giữa mấy làng hoặc lập một hợp-tác-xã nông nghiệp hay công nghệ v...)

Xưa nay những việc ấy đều do chính-phủ (tức là cơ quan hành chính trung ương) làm và bắt các làng trong một vùng phải theo và giúp sức. Nhưng tất nhiên nếu các làng hiểu nghĩa quan trọng của sự hợp-tác thì có thể làm được nhiều cái hay nữa và thích hợp với nhu cầu của mình

Đây là một điều-quá mới mẻ vì trái với những thói tục cố kết. Song ta cũng cố giảng và mong một ngày kia cái tinh-thần hợp tác ấy sẽ thay đổi.

Xem tiếp trang 24)

Như'ng tiên dõn dõn

NGHIÊM XUÂN YÊM

Nghị-định ngày 13 tháng một năm 1925 đại ra thể-lệ xin tiều-đồn-điền ở các tỉnh là rừng-du Bào-kỳ. Những nông-dân, ai muốn có đất để trồng-trọt, chỉ phải đệ lên quan Công-sứ một lá đơn xin khai-khẩn, có kèm theo một bản-đồ, tự mình vẽ sơ-lược khoảng đất muốn xin ấy, đề rõ vị-trí, và diện-tích không được quá 15 mẫu ta (5. 50 mẫu tây). Quan Công-sứ sẽ giao cho một ban hội-đồng điều tra xem khoảng đất ấy có phải là quốc-gia công-thổ (terrain domanial rural) và có ai tranh-chiếm quyền lợi gì ở đó không ? Nếu xét ra không có điều chi ngăn trở thì sẽ có nghị-định tạm thời cho tiều-đồn-điền ấy. Nghị-định tạm-thời, vì rằng người đấng xin chỉ mới được Nhà-nước cho tạm, trong một hạn 3 năm. Kể từ ngày có nghị-định tạm thời, hạn 18 tháng đầu ít nhất 1 phần 4 đất đai phải được khai-khẩn, và hết hạn 3 năm thì tất cả phải giồng giọt xong. Nếu xong, sẽ có nhân viên sở Địa-chính tới đặc đề-định lại vị trí và diện-tích được rõ rệt, rồi có nghị-định cho hẳn thành tiều-đồn-điền vĩnh-viễn, nghĩa là hoàn toàn thuộc quyền sở-hữu của người đã xin khai-phá. Nếu hết hạn 3 năm chưa khẩn xong, có thể xin gia hạn một lần thứ nhất 18 tháng, và một lần thứ hai cũng một năm rưỡi. Quá 6 năm. 3 năm đầu và 2 lần gia hạn, nếu chưa xong hẳn thì những chỗ nào chưa khai phá được sẽ hoàn về quốc-gia công-thổ (retour au domaine). Trong thời kỳ đồn-điền tạm thời, người đứng xin không có quyền cầm, bán cho ai cả. Sau khi được nghị-định vĩnh viễn rồi, người chủ phải chịu thuế với nhà nước và mới có quyền được cầm, bán. Trước kia, những tiều-đồn-điền vĩnh-viễn đều được hoàn toàn tự do cầm, bán. Nhưng từ năm ngoái, thêm nghị-định bắt buộc phải xin phép quan Công-sứ bản tỉnh trước rồi

Mục đích nhà cầm quyền đặt ra chính sách tiền-đồn-điền cốt yếu muốn khuyến khích việc dân tự di-dân (colonisation individuelle) ở miền xuôi, ít ruộng thừa người, lên mạn ngược, đất rộng người thưa, và nhân đó sẽ hy-vọng mở mang thêm cho nghề nông xứ nhà. Nguyên trước hồi 1925, người ta đã nhận thấy rằng những dân quê theo các chủ đại-đồn-điền lên thượng-du, phần đông chỉ làm phu phen trong các đồn-điền ấy, còn một phần nhỏ thì làm tá-điền. Họ không nhất định ở hẳn trên mạn ngược : thường thường sau vài ba tháng hoặc một năm lại trở về đường xuôi. Vì thế, tổng số những dân nghèo trung-châu lên ở hẳn trên thượng-du rất ít. Từ năm 1896 đến 1935, trong khoảng gần nửa thế kỷ, tỉnh Yên-báy chỉ thêm được 337 xuất đinh người Nam lên ngụ tại các đồn-điền lớn ; như vậy, số dân di lên được chừng 1.200 người.

Đặt ra chính sách tiêu-dồn-diễn, nhà cầm-quyền muốn cho đại đa-số nông dân nghèo được mấy điều tiện lợi :

1') Thề lệ xin rất giản-tiện : (1) một lá đơn và một bản đồ sơ-lược : công việc hội-đồng điều tra làm mau chóng..

2)-Sau 3 năm cần cù, người dân quê sẽ có thể làm chủ-nhân-ông, có toàn quyền sở-hữu trên một giang-sơn chừng 15 mẫu. Họ sẽ có căn bản ở đường ngược, họ sẽ tự nhiên có ý muốn ở cố-thờ nơi đó. Trái lại, ở các đồn-diên lớn, họ chỉ là kẻ đi làm thuê, kẻ đi ở như, nên không bao giờ họ muốn ở lâu bền: chỉ một vài năm, hoặc vài nghề túng, hoặc được mất một hơn đôi chút, họ cũng chầm chầm tìm cơ hội bằng bề con cái trở gót về quê hương. Vì thế, Nhà-nước mới dự-ý định mỗi tiểu-đồn-diên không quá 15 mẫu, de

cho một gia-đình nông dân vừa sức khai khẩn và hoa lợi đủ kể mưu sinh.

Tin vào 2 lẽ đó, sau khi nghị-định ngày 23-11-1925 ban ra, cho thi hành ở các tỉnh Yên-báy, Phú-thọ, Thái-nguyên... người ta hy vọng sẽ thấy nhiều nông-dân xin mở tiểu-đồn-diên, đem gia-đình lên thương-du khai khẩn đồi, lũng, ngõ hầu miền trung-châu đỡ phải nuôi một số nhân-khẩu khá lớn, và xứ nhà sẽ mau thêm được một khoảng rộng đất đai trồng trọt cây cấy và chăn nuôi.

Nhưng tới ngày nay, ngót 20 năm, người ta đã nhận ra rằng cái kết quả hoàn toàn như ý chờ mong không được mấy. Dưới đây là đám, ba điều nhận xét về các tiểu-đồn-diên ấy :

Trước hết, ở một vài miền, trong khoảng mười năm đầu, số tiểu-đồn-diên xin mở không được nhiều. Mãi tới hai 1938, 1939, mới thấy tăng lên. Thí dụ, tỉnh Yên-báy, từ 1925 đến 1937 có vẻ vẻn 51 tiểu-đồn-diên, ước chừng 125 mẫu tây. Từ 1937 đến 1939 mới thêm ra 134 cái, ước độ 475 mẫu tây. Như vậy... đi được trên dưới 1000 nhân khẩu trong vòng 14 năm lên ở một tỉnh sẵn có rất nhiều đất để khai khẩn, và có tiếng đất tốt vào bậc nhất (2). Ở Thái-nguyên, có lẽ nhiều tiểu-đồn-diên xin hơn, vì dăm, bảy năm về trước có phong trào giồng chè. Nhưng (ở đoạn cuối tôi sẽ nói rõ), một số lớn những đồn điền ấy có xin mà không... khai khẩn (3). Và dù sao, xét cho kỹ : thì đại đa số nông dân nghèo, cần tìm đất để giồng giọt, để kiếm ăn vẫn không biết tới và không tha thiết với việc xin tiểu-đồn-diên cho lắm. Vì rằng đâu có được ? điều lợi nói trên kia, nhưng dân quê vẫn còn gặp nhiều nỗi khó khăn và công cuộc di dân theo lối đó vẫn còn có nhiều cản-trở.

1-) Phạm đã dám xin một tiểu-đồn-diên, tất phải có chút vốn. Bởi vì dù rằng lúc đầu rừng, tiền bán củi có thể bù vào công khai phá, — may

(2) Ông Lotzer, trong một cuốn sách gồm có những tờ trình về những vấn đề nhân mã và di-dân ở Bắc-kỳ, đã viết : Tỉnh Yên-báy có thể di dời được 35.000 gia-đình, đất tốt 20/20 diêm. Tỉnh Phú-thọ 15.000 gia-đình, đất tốt 13/20 ; tỉnh Thái nguyên 30.000 gia-đình, đất tốt 14/20...

(3) Hạt Đồng-Hỷ (Tân-cương Linh-nham) và Phú-lương có nhiều tiểu đồn điền nhất. Tổng cộng, hiện nay, tỉnh Thái có chừng hơn 1000 tiểu đồn điền đã xin.

ra còn thừa lợi ít nhiều, — song dân quê nghèo cần phải có lương thực nuôi thân ngay, trong một tháng, nửa năm : cần có tiền để làm nhà cửa, sắm đồ dùng, tậu trâu bò.... Vậy những dân nghèo, không có vốn, không thể dám xin tiểu-đồn-diên ; mà những hạng dân không có vốn này lại chiếm đại đa số. Chính vì một lẽ, trong nhiều lẽ khác, — rằng người Nam ở trung-châu đến xin làm tá-diên ở các ấp đều không vốn, mọi sự trông cả vào ông chủ, nên rất có nhiều đại điền chủ tra mộ những hàng ấp người Thổ hơn, vì bọn tá-diên người Thổ có sẵn vốn, sẵn trâu, bò, đồ dùng và lương thực. Họ ít phải phiền lụy đến ông chủ. Gặp một anh Thổ đến xin làm ruộng tại một ấp thuộc hạt Đồng-hỷ (Thái-nguyên), tôi đã được anh ta trả lời rằng vốn liếng thu xếp được 500\$00. Trên con đường thuộc địa số 3, thường thường vẫn lữ-lược những gia-đình Thổ, từ Lạng-son kéo sang, đánh từng đàn 5, 6 con vừa trâu vừa nghé, và quây thúc kịu kịt lên vùng chợ Chu, chợ Mụ xin làm ruộng cho các chủ đồn-diên. Đi làm tá-diên còn cần phải đồng vốn, huống hồ xin mở một tiểu-đồn-diên.

Chính sách tiểu-đồn-diên chỉ hợp cho những nông gia bậc trung, có ít nhiều tiền vốn, tự trồng nom giồng giọt lấy được, và phải là những nông gia có óc mới, « có khai khẩn ». Chớ chẳng ai lạ gì phần nhiều người mình, nếu bụng chưa đói thì đầu gối chưa chịu bỏ xa nơi quê cha, đất mẹ.

2-) Thực vậy, dù rằng có vốn, nhưng đương tự chốn hương đảng xung quanh toàn họ hàng quen thuộc, mà lên ở giữa chốn rừng núi, lạc lõng có một gia-đình, thì tâm-lý dân quê ta không bao giờ dám đi hoặc muốn đi. Người dân quê Việt-nam đã quen sống tự lâu đời quá, ở giữa sự thân thuộc, giúp đỡ của làng mạc, xóm giềng. Bần cùng, tới ở một ấp lớn, hay một đồn-diên to, tin mong ở sự nhờ vả ông chủ và sự giúp đỡ của các bạn điền thì họ còn dám đến ; chớ biệt lập một mình ở trong một khu rừng xa lạ, họ không dám nghĩ tới.

(4) Hiện Chính phủ cũng đã nghĩ tới điều này, và đã cho lập những trại di-dân ở Yên-báy (Mậu-A. Hào-Gia. Nhưng còn phải đợi chờ kết quả.

Vả chẳng, dù họ có đã dám xin tiểu đồn-diền và đã mở mang rồi, họ vẫn còn thu ột g cảm thấy, nỗi cô - độc, nỗi thiếu sự yên-vui tinh-thần, nên có lẽ sau khi được nghị-định vĩnh-viễn, họ cũng tìm cách bán đồn-diền, thu xếp vốn về làng. Muốn cho họ an tâm ở cố thổ nơi mạn ngược, tất phải mưu cho họ sống được ở trong một bầu « không-khi làng xóm », cũng như ở dưới xuôi. Nếu có được từng bọn chừng mười lăm, hai chục gia-đình họp lại, vốn ở cùng một làng trung-châu, cùng lên thượng-du và cùng xin khai-khẩn được những lô đất liền nhau thì họ mới sẽ có thể, — ngoài sự mưu sinh dễ dãi, vì đã mở mang trồng trọt được đồi lũng, — sống quây quần với nhau để gây cho nhau một cảm-tưởng như vẫn sống ở nơi nguyên quán, và để giảm bớt nỗi lo lắng xa xôi của những kẻ lưu dân. Nhưng muốn tới một kết-quả ấy, hoặc phải chờ ở sự can thiệp sáng suốt sớt sảng của Chính-phủ (4), hoặc phải chờ một dân-trí bạo-dạn hơn tháo-vát hơn và hiểu rộng ý-nghĩa đoàn-thể ra ngoài giới-hạn của một hương-đảng.

3. Còn một trở lực nữa. Nguyên dân quê, trung-châu chỉ quen biết có nghề cấy lúa. Lên thượng-du họ đứng ra một mình khai-khẩn, giồng giọt thì họ hoàn-toàn bơ vơ. Họ không tin rằng đồi núi có thể nuôi sống họ. Đã đành rằng Nhà nước vẫn sẵn có mỗi tỉnh một nhân-viên ty Khuyến-nông. Nhưng không đủ và không thể chỉ bảo cho khắp và rõ ràng để những nông gia các tiểu-đồn-diền ở giải giãc mỗi tồng một vài roi được hiểu mà biết áp dụng cho có lợi. Người ta chẳng hằng thấy những nông dân trồng sắn lâu luôn 3, 4 năm trên một trái đồi, vì năm đầu tiên đất mới phá còn tốt, lấy sắn to củ, và có biết đâu rằng củ sắn ăn chóng kiệt đất. Một tiểu-đồn-chủ đã phàn nàn với tôi : vì không ai bảo nên đã cày phá khắp đất làm cỏ gianh, lại đem trồng toàn dưa, mau gốc. Chẳng bao ngày, cỏ gianh mọc trùm cửa, nà là dưa đầy gai rậm, làm cỏ thực khó khăn, muốn đốt cỏ thì vương cỏ dưa. Trên những quả đồi cao, giểc thẳng tuột, nông-dân bỏ gốc đã từng trồng hàng chè chạy từ trên

ngọn xuống chân đồi, khiến lao nhưu đất tốt bị mưa đánh trôi sạch, chứ họ không nghĩ ra trồng thành hàng, chạy từng đợt vòng quanh đồi để giữ lã đất màu mãi mãi. Đất đồi núi, làm kiến, làm dễ, làm moi... làm mòn làm xót dễ cây, dưới đất làm hang lổc bởi các gốc cây mục nát còn để lại, khiến nước mưa bị thấm nhiều mà không đọng vãn vãn... đều toàn là những sự khác lạ, có thể đưa người dân đường xuôi mới lên rừng tới sự thất bại. Tôi còn nhớ nét mặt ngo-ngác của một nông-phu, vốn người Thái-bình, lên Thái-nguyên làm ruộng ở dưới chân đồi mới khai phá, khi anh ta chợt thấy ở giữa ruộng đương cày có những đường bọt nước dùn dợn nổi lên, và trong một ngày, nước ở ruộng cạn như bị uống. Đất bồi ở Thái-bình làm gì có làm rễ cây to bị mục thối làm thành những đường công ngầm ngòng ngoèo ở dưới đất, để hút nước ruộng rất mau chóng : vì thế anh ta không nghĩ ra rằng nếu anh ta lấp lại con cá ở nãng cày cho cây an sâu xuống đâm phân nữa thì những công ngầm kia sẽ bị phá đi và ruộng có thể trở lên đọng nước.

4. Ngoài những lẽ cản trở trên, chính sách tiểu-đồn-diền cũng không giải quyết cho dân quê ta nạn ngã-nước. Dân trung-châu sợ di sợ đường ngược, một nguyên-cớ chính bởi sợ bệnh sốt rét rừng. Ở trong một đồn-diền lớn, khai phá hàng được hàng trăm mẫu liền khu, nếu ông chủ sẵn tiền là người biết săn sóc đến tính mệnh nhân-công của mình thì còn đào được giếng, nước an sạch-sẽ, làm được nhà ở chỗ cao ráo, khoáng dãng, và còn có ký-ninh để thỉnh thoảng phát cho hàng ấp. Vậy mà bệnh sốt rét vẫn còn hoành hành ru ròi, luồng hồ ở các tiểu-đồn-diền, chỉ khai phá được mười lăm mẫu, giải giãc mỗi nơi một khu, ẩn nấp sau trái đồi rậm hay là trong rừng sâu đường lối đi lại khó, ăn nước ở những suối nhỏ, hai bên còn um tùm lau, sậy, gai góc, rừng rú còn lan đến cách chỗ nhà ở chừng 50 thước, xung quanh nơi nào cũng có thể là tử-muối độc, và họ làm gì có sẵn tiền để mua thuốc ?....

Nói tóm lại, lúc đặt ra chính sách tiểu-đồn-diền, người ta hi-vọng sẽ thích hợp cho những gia-đình nông-dân « chồng cày, vợ cấy, con trâu đi

gia chịu rơi vào trung-châu lên thượng-du khai sơn, phá thạch. Nhưng vì các lẽ đã nói trên, đại đa số nông-dân vẫn không dám lên đường ngược và chính sách « dân quê tự di dân » thành ra quá chệch chạp, không đi lên thượng-du được mấy nổi nông-dân. Trái với sự chờ đợi, phần nhiều những người đứng xin tiểu-dồn-diễn lại không phải là nông-dân, và cũng không phải là người thực tâm có ý muốn xoay đường kinh-doanh về nghề nông. Họ thường là những người đã ở sẵn trên các tuyến thượng-du rồi hoặc sinh-trưởng ở đấy, hoặc lên làm việc, buôn bán từ lâu, .. Nhờ có sự xin tiểu-dồn-diễn rất dễ dàng, không tốn kém gì nên họ xin rất nhiều. Sau khi đã xin được, họ bèn bán khoán củi, gỗ cho những bọn chuyên môn đi làm củi thuốc, hay buôn gỗ. Lấy củi gỗ xong có người bỏ ngay, chẳng trông trọt chi cả, mặc cho sau 3 năm bị hoàn về quốc-gia công thổ. Cũng có người chịu xuất ra tiền, chiêu lấy một vài héc-lơ dân, cho giồng dăm ba khoảnh chè, chuối, sơn, sắn... Nhưng đất đồi mới phá mà không trông trọt liết thì hoặc bị mưa lũ cuốn trôi đất mầu, hoặc bị cỏ giarh, lau, lụi... mọc trùm kín rất mau. Chỉ 7, 8 tháng sau, đồi, lũng đã phá ấy lại hoàn trả lại cho rừng rú gái góc. Tôi đã được biết những tiểu-dồn-diễn phải phá đi phá lại tới 5 héc-ta mà bây giờ đi qua bụi rậm đã mọc quá đầu người. Cũng có kẻ, nguyên là dân ở tại các tuyến thượng-du, thấy nhiều người ở nơi khác đến địa-phận làng mình xin tiểu-dồn-diễn thì họ cũng vội vã mau dề xúi chối. Xin rồi để đấy, chớ không khai khẩn chi cả. Vì thế trong một khu có 50 tiểu-dồn-diễn thì có tới 11 tái-nguyên xin đã 5, 6 năm nay, hiện giờ chỉ có một là được trông trọt hẳn hoi. Trong số hơn 1000 tiểu-dồn-diễn ở Thái-nguyên thì có lẽ mỗi độ 205 được khai khẩn. Và chẳng, gần đây, vì tình hình kinh-tế, trong xứ, nhân công quá đắt (phu đồn điền bây giờ tới hơn 1500 khoán ngày), giá chè, tràu v... v... đôi với gạo, vải đều hạ quá : t. l. m. 1 l. a, tại các đồn điền ít ruộng, không đủ thóc để cung cấp cho nhân-công, phải ăn đóng

núi lập đồn điền đều ngừng trệ cả lại. Nhiều nơi đương khai khẩn giờ giarh lại hoãn lại.

Tuy vậy, nói thế không phải là bảo chính sách tiểu đồn điền hoàn toàn vô-liệu. Vì rằng hiện nay cũng có người chịu bỏ nhiều tiền, tốn công khai phá, chịu chăm nom, thiếu hàng ấp, khăn được những tiểu đồn điền giống sơn, chè, tràu, vớ thêm được ruộng ở dưới chân đồi. Ngoài ra còn được một số những nông dân, nguyên trước đây mười lăm năm, chỉ là những kẻ phiêu-bạt lên mạn ngược làm thợ làm phu. Sau vì quen thung-thổ lấy vợ, sinh con cái ở đó, và cần cù lần hồi xin khẩn được ít nhiều đồi, bãi, thì ngày nay đã nghiêm-nhiên được làm chủ nhân-ông những khoảnh đất có được 4, 5 mẫu ruộng, một vài trái đồi giống sắn, khoai, đậu, mía cùng các thứ hoa màu khác. Trông tình hình kinh tế hiện thời, gạo, vải đắt đỏ, đem so cách sinh nhai của họ, có gạo, ngô, sắn dễ ăn, có đậu, có mía dễ bán, có những đàn gà hàng ba, bốn chục con... với tình cảnh eo-hẹp, chật-vật của dân-quê vùng xuôi thì bọn họ được mát mẻ hơn nhiều. Nhưng một điều đáng đề ý là họ thường không phải chính dân ở giữa trung châu đem gia-dình lên thượng du. Hầu hết họ nguyên là dân ở các tỉnh giáp giới thượng du : Vĩnh-yên, Phúc-yên, Bắc-giang...

Và chẳng, nếu đem so sánh số nông dân đã mở được tiểu-dồn-diễn, có thể ở hẳn trên đường ngược như thế với tổng số dân nghèo cần phải sống được mát mẻ, hiện có ở trung-châu và số dân sinh sôi thêm hằng năm, thì có thể thêm vào đầu. Hiện thời trung châu Bắc kỳ có tới 1.500.000 dân nghèo thiếu ruộng cấy cấy. Mỗi năm số dân sinh thêm ra ít nhất được 1% của tổng dân số 8.500.000 người, nghĩa là thêm được trong khoảng từ 8 đến 10 vạn miệng ăn.

Có lẽ vì nhà nước cũng nhận rõ thấy rằng chính sách tiểu-dồn-diễn tuy có hiệu hay nhưng còn nhiều khuyết điểm, nên mới có thêm đạo-nghị định ngày 20 tháng 3 năm 1936, lập ra các đồn-diễn di dân (colonies de peuplement) mà nếu có thể tôi sẽ nói tới một kỳ sau.

NGHIÊM XUÂN YEM

NGUYỄN DU VÀ TRUYỆN KIỀU

(NHÂN ĐỌC MỘT CUỐN SÁCH MỚI)

ĐINH GIA TRINH

(Tiếp theo)

Những há phải đầu Nguyễn-Du chỉ ký thác mình gần dí như thế trong quyền Đoàn-trường tân thanh. Tâm sự của Nguyễn-Du không những biểu lộ ở tâm sự Kiều, mà còn ở cả hành vi của Từ-Hải nữa. Tâm sự gồm có những chí hướng nguyên vọng, những nỗi vui, buồn, hi vọng hay thất vọng, tác giả cuốn N. D. V. T. K. cũng đã viết như vậy (tr. 13). Từ-Hải nghe ngang một cõi biên thủy, tung hoành-phỉ chí, ấy là cái mộng của một kẻ không toại nguyện, muốn sống oanh liệt mà phải bỏ tay. Từ-Hải là giặc, Từ-Hải phản nghịch? Điều đó không quan hệ. Hành trạng của Từ có cái vẻ đẹp riêng của nó, nếu ta không kiểm sát nó bằng những quan niệm chính trị và luân lý. Một thằng giặc múa gươm đẹp cũng như một hào kiệt múa gươm đẹp. Từ-Hải là cái mộng phỉ chí ngang dọc của Nguyễn-Du, không phải cái mộng luân lý của Nguyễn-Du.

Tâm sự Nguyễn-Du còn ký thác ở cái chết của Từ-Hải, và cái hạnh phúc tái ngộ Kim-Trọng của Thúy-Kiều. Từ-Hải chết: thà chết như Từ để giữ trọn khí tiết, còn hơn là sống lê một đời hổ thẹn. Từ-Hải chết để cho Nguyễn-Du toại mộng tung hoành oanh liệt. Còn như Thúy-Kiều sau bao năm sống lênh đênh như « chiếc bách giữa giòng », cuối cùng lại gặp Kim-Trọng, ấy là cái mộng thất vọng của Nguyễn-Du, mong lại được thờ chúa cũ. Lúc tái ngộ chàng Kim, Kiều tự biết mình nhơ nhuốc dạn dày, không xứng đáng với tình quân nữa, nhưng tấm lòng chung thủy của nàng đã cứu vớt nàng trước một người yêu rộng lượng và hào kiệt. Mong chi còn được thờ nhà Lê khôi

(1) Trong cuốn *Khảo luận về Kim-vân-Kiều* (Quan-Hải tùng thư — 1913), ông Đào-duy-Anh cũng phát biểu những ý kiến tương tự (trang 108 — 109).

phục, nhưng nếu có cái hạnh-phước ấy, thì cái lòng trung nghĩa âm thầm của Tố-Như cũng mong sẽ được hiểu và tha thứ.

Những nhận xét trên đây đều đã được bày tỏ trong cuốn Nguyễn-Du và Truyện Kiều một cách đầy đủ.

Sự ký thác tâm sự ấy là một hiện tượng rất hay thấy trong văn giới. Văn chương thường là đất giải thoát cho các tâm hồn. Đời thực tế thường eo hẹp, không cho người ta toại được những ước vọng, thêm nữa. Trên cái trống rỗng trống của văn chương, những cái không thực hành được ở đời sẽ thực hành, những thói bị cấm trở, sống thiếu thốn, sẽ phát triển đến tột bậc. Đời mơ ước của nhà mỹ học Oscar Wilde, sự hoạt động trong đời thực có « *bên lề của nó* », và chỉ có trong văn chương, những ước vọng thầm kín mới được toại chí rong ruổi, không sức nào cản nổi. Cho nên văn chương tố cáo bản ngã của người ta, không phải cái bản ngã thực tế nghèo nàn, mà cái bản ngã phức tạp, có khi dựng những yếu tố mâu thuẫn nhau, nó là cái « ta » chân thực và đầy đủ.

Khí chất, tình tình, tâm sự của Nguyễn-Du đã ở trong truyện Kiều. Ông Nguyễn bách-Khoa đã vờn chú ý của độc giả vào điểm đó, vì xưa nay các bình giả chỉ nói đến tâm sự Nguyễn-Du trong truyện Kiều, mà coi đời Kiều như một biểu tượng của đời nhà thi sĩ Việt đã viết lại truyện nôm. Nhưng tác giả bình như hiểu chữ tâm sự theo một nghĩa rất hẹp. Nó là « *cái phần sống hữu thức nhất của con người* ». Lòng trung ái của thi sĩ không được toại, thi sĩ bất đắc dĩ phải thụ lộ dưới một chế độ mới, nên đau đớn âm thầm, đó là cái bất mãn nó vô số lòng thi sĩ, nó ám ảnh những ngày sống của thi sĩ, nó được thi sĩ tự

Luôn luôn trong ánh sáng của hữu thức, đó là tâm sự của thi sĩ (cái tâm sự mà các bình giả truyện Kiều thường nói đến). Còn như Từ-Hải thì là phát hiện của ước vọng bị rồn ép xuống cõi tiềm thức của Nguyễn-Du, nó không phải là tâm sự. Bị rồn ép xuống cõi tiềm thức, nó lẫn vào với những yếu tố khác của cá tính Nguyễn-Du, cũng đều tác động trong tiềm thức. Nếu tôi không lầm thì theo ý Nguyễn-quân, truyện Kiều phản chiếu tâm sự và cá tính Nguyễn-Du, mà cái mộng oanh liệt phát biểu bởi Từ-Hải là một yếu tố của cá tính Nguyễn-Du. Kết luận đoạn nói về tâm tính của Từ-Hải, tác giả viết: « Kia (ở Kim-Trọng, ở Từ-Hải) chỉ là phản ảnh của tiềm thức, của *nguyên vọng* Nguyễn-Du. Đây (ở Thúy-Kiều) mới thực là Nguyễn-Du bằng xương thịt, Nguyễn-Du hỗn tạp do sự xung đột giữa hữu thức và tiềm thức trong người ông gây nên ». Tác giả muốn nói những nguyên vọng của người ta là ở trong tiềm thức. Nhưng ta nhớ rằng tác giả cũng đã viết: « Còn ai biết rõ tâm sự ta bằng ta nữa ? Bao nhiêu phản động lực của nó đối với ngoại cảnh, gây ra trong cõi hữu thức ta hoặc cái vui, hoặc cái buồn, hoặc *sự mong ước*, nỗi thất vọng... » Như thế thì sự mong ước (nguyên vọng) lại ở trong hữu thức ? Tư tưởng của tác giả ở chỗ này có phần thiếu minh bạch và hơi lúng túng.

Theo thiên ý tôi thì cái thuyết hữu thức và tiềm thức với thuyết rồn ép các tính hướng (refoulement des tendances) của Freud, ở đây chỉ làm cho tư tưởng bối rối mà thôi, và nó không cần thiết gì cho sự giảng giải các hiện tượng nói trên. Những nhà phê bình văn chương Âu Tây bàn luận về sự liên lạc giữa Milton, Shakespeare, Rousseau, Goethe chẳng hạn với những tạo phẩm phản chiếu mãnh liệt cái bản ngã phiền phức của họ, không cần mượn đến những thuyết và những danh từ của phân tâm học. Ở đây ta vẫn có thể diễn tư tưởng một cách giản dị, sáng suốt hơn : Từ-Hải thực hiện cái mộng tung hoành của Tố-Như, ấy cũng là tâm sự của Tố-Như. Vì tâm sự cũng là những nỗi mong ước của người ta nữa. Nguyễn-Du mơ ước suốt đời được thỏa chí anh hùng, làm công nghiệp hiên ngang, sự mơ ước ấy cũng ám ảnh thi sĩ luôn luôn và nó đã nhập vào cõi hữu thức luôn luôn vậy.

Vậy thì khi ta nói truyện Kiều mang tâm sự Nguyễn-Du, ta cũng không nói gì sai lạc lắm, miễn là ta hiểu cái tâm sự ấy một cách rộng rãi hơn. Từ Mộng-Liên-Đương chủ-nhân đã viết: « Thúy - Kiều khóc Đạm - Tiên, Tố-Như tử làm truyện Thúy-Kiều, việc tuy khác nhau mà lòng thì là một... » Đến các bình giả đương thời bàn về truyện Kiều, lối hiểu sự phát biểu tâm sự Nguyễn-Du vẫn không thay đổi mấy : Nguyễn-Du viết truyện Kiều vì « *cảnh ngộ của cô Kiều đối với cảnh ngộ của tiên sinh hình như là cũng cùng một hội một thuyền đau xa* ». Trong lối hiểu ấy chỉ có Kiều là mang tâm sự của Nguyễn-Du (1). Thực ra Từ-Hải cũng mang tâm sự của Nguyễn-Du, không phải cái tâm sự đời đau khổ của thi sĩ, mà là cái tâm sự chí hướng, mơ ước của thi sĩ, không phải cái tâm sự « tôi đã thế », mà là cái tâm sự « tôi muốn thế ».

Nhưng bảo truyện Kiều phản chiếu tâm sự của tác giả nó chưa đủ, còn phải nói truyện Kiều phản chiếu cái bản ngã tình cảm của tác giả nó nữa. Ta sẽ thấy Nguyễn-Du sống trong cả Kim-Trọng, chứ không những chỉ sống trong Thúy-Kiều và Từ-Hải. Cuộc tranh luận nhỏ về danh từ gác ra bên, ta phải nhận rằng ông Nguyễn Bách Khoa đã có công mang vào văn chương nghiên cứu truyện Kiều những kiến thức mới mẻ và có giá trị. Cổ nhân ta không chú ý đến sự phản chiếu phiền phức của bản ngã tác giả trong thi phẩm, nhưng chắc không phải là cổ nhân không nhận thấy sự phản chiếu ấy. Duy có điều các tập quán trí thức cũ của ta không ưa cái lối phân tích tình vi đề xét mối liên lạc giữa tác giả và tác phẩm, nó đã trở nên thói quen ở văn học Âu Châu cận đại. Vì vậy cái đa tình, đa cảm của Nguyễn-Du, cái khí tiết hiên ngang của ông, có biểu lộ qua các nhân vật truyện Kiều, người trước chắc có nhận thấy, nhưng không viết ra. Ai đã quen đụng chạm với các văn phẩm khảo cứu của Tây phương tất nhận rõ cái mà người trước nhận thấy lơ mơ, âu đó cũng là một tiến bộ, nhưng không phải hoàn toàn là một phát kiến bất ngờ.

(1) « Nguyễn-Du, assure-t-on, voulait transposer, symboliser le drame de sa vie dans cette histoire infiniment douloureuse d'une jeune fille « victime de la destinée et qui en est victime à cause même de la noblesse de son âme et de la beauté du sacrifice d'où naissent tous ses malheurs ». (René Crayssac — Kim-vân-Kiều traduit en vers français Lê-van-Tân—19-26. p. V.)

Còn như điều tâm sự của Nguyễn-Du, người trước chỉ quen tìm nó ở trong Thủy-Kiều, mà quên nó ở trong Từ-Hải, thì có lẽ bởi người trước chỉ chú ý đến cái mục đích quan trọng nhất của thi sĩ khi viết Kiêu, cái mục đích coi là thú vị nhất. Văn chương ta xưa ưa lối biểu tượng, tự sự. Nguyễn-Du viết Đoạn trường tân thanh vì thấy đời Kiêu khả dĩ diễn nổi cái tâm sự u uất của ông. Nguyễn-Du dừng lại trước truyện người con gái bạc mệnh của *Thanh tâm tài nhân*, vì lịch sử đời người con gái ấy khả dĩ biểu tượng được lịch sử đời ông. Vì Thủy-Kiều mà ông chọn tình tiết cuốn tiểu thuyết của ông trong *Thanh tâm tài nhân*, chứ không phải vì Từ-Hải. Trong đời luân lạc của Thủy-Kiều Từ-Hải đóng một vai trò quan hệ. Nguyễn-Du tả đời Thủy-Kiều, nhân gặp nhân vật Từ-Hải, liền có dịp gửi nhân vật ấy một trạng huống của tâm sự mình, những nỗi mong ước ông không thực hành được. Kiêu có tài, có sắc, đã thề non hẹn biển với Kim Trọng, mà phải trao thân cho kẻ khác; Kiêu sống luôn luôn trong đau đớn; Kiêu lại tái ngộ Kim Trọng, nhưng tinh thần thể phách đã rã rời, mà mối hận chưa tan: đó mới là cái cốt trệ của tâm sự Nguyễn-Du, cái xương sống truyện Kiêu. Tâm lý của truyện Kiêu có khi 1 hải gò ép, thiếu luận lý, thiếu tự nhiên, ấy cũng bởi cái tâm lý ấy phải dùng đề biểu lộ cái tâm sự cốt trệ ấy, và Nguyễn-Du đã bị quyền rũ đầu tiên bởi Kiêu, và lúc viết truyện Kiêu coi nàng là người tri kỷ chính.

Xét như thế thì cái quan niệm cho rằng Nguyễn-Du ký thác tâm sự mình vào Thủy-Kiều ngày nay tuy rõ là eo hẹp nhưng không phải đã là một ngộ nhận. Ông Nguyễn-bách-Khoa tuy vậy đã có công với chú ý của người đọc vào sự phản chiếu bản ngã của Nguyễn-Du phức tạp và đầy đủ trong truyện Kiêu. Ông đã bày tỏ trong cuốn N.D.V.T.K. rằng chân lý từ nay sẽ giữ vững chỗ của nó trên đất văn học. Phương pháp cũ khảo cứu nhân vật và tác phẩm văn chương đã được thay bởi một phương pháp mới có tính cách rộng rãi tinh vi và hoàn hảo hơn.

Bình h-Gia-Trình

Kỳ sau :

PHẦN THỨ BA

Tâm lý các nhân vật truyện Kiêu

SẮP CÓ BÁN

NGUYỄN CÔNG TRÜR

của **NGUYỄN BÁCH KHOA**

- Nguyễn công Trừ và đảng cấp sĩ phiệt quan hệ với nhau thế nào ?
- Cõi rã xã hội của tư tưởng và tâm lý Nguyễn công Trừ.
- Quan niệm luân lý của Nguyễn công Trừ có mâu thuẫn với chủ nam nhi của ông không ?

ĐÃ CÓ BÁN

KINH TẾ HỌC

phổ thông

Của **NGUYỄN HẢI AU**

giá **3\$50**

HAN THUYỀN

71, Tiên-Tsin — HANOI

MỚI XUẤT BẢN :

TRUNG QUỐC

Su' Lục của **PHAN KHOANG**

Một bộ sách kê-cứu rõ-ràng về văn-minh Đông Á. Cái văn-minh ấy trong khoảng ba bốn nghìn năm nay đã chi-phối cuộc sống tinh-thần và vật-chất của mấy trăm triệu con người ở Á-Đông này.

Thật là một bộ sách rất quý của bất thấy mọi người muốn biết cái căn-nguyên về văn-minh tối cổ của Á-Đông.

Sách dày ngót 500 trang in làm 2 loại :

Loại thường bán 6\$00 cước 0\$47

Loại đặc-biệt 15\$00 cước 0,80

= Thư và ngân-phiếu xin gửi về chỗ: =

NHÀ IN MAI-LÝ H HANOI

BÀN VE CHU' «NHÂN»

--- NGUYỄN VĂN CỦA TRẦN TỰ TRIỂN ---

VÔ TÂM dịch

Khổng-tử đã nói rằng : « Những việc nhỏ nên không biết nhưng nhin thì hồng cả việc lớn ». Câu nói chí lý.

Số là Khổng-tử chỉ bảo người đời nên nh công nhn trong các việc nhỏ mà thôi. Nếu chúng ta cần nhắc nặng nhẹ, thì đối với những điều không quan hệ, chịu nhn nhn đê, đê mà làm những việc to tát, cũng là sự rất phải. Nhưng nếu như sự nhn đó làm hỏng đến cả « việc lớn », thì đây lại không phải là « việc nhỏ » đáng nhin nua ; và hễ là người có huyết tính thì quyết không thể nhin được. Một mặt nữa, cụ Khổng . . . tuy nói thế thì nói, nhưng đã có lúc vì những việc rất nhỏ nhn mà cụ cũng tức kia ! Ví dụ : Lúc cụ thấy nhà quyền-quý nước Lỗ là Quý-Thị dìm tiếm dụng cả lối nhạc múa Bát-dật, thì cụ đã dìm tiếm lên và nói rằng : « Thế mà chịu được thì việc gì mà chả chịu được ! ». Lại một lần nữa, người nước Tề ấy mà, đem mấy cô-đào cho lão Quý hoàn Tử; thế là lão Quý hoàn Tử « cảm » cho phở cả người đi, ba ngày giời không ra làm việc quan. Lại vừa dịp tề bị giặc, người ta quên Lỗ đi không đưa phần « thất lộ » đến biếu cụ Khổng. Thế là cụ Khổng bồng bồng cằn giữ, bỏ đi ngay, quan cũng chả thèm làm nữa ! Thì ra công trình tu dưỡng của Đức Thánh . . . vẫn cũng có chỗ chưa được đến nơi, đến chốn.

Về đời Ngũ-đại, có lúc Phùng Đạo vẫn tự ví với Khổng-tử. Nói đến công trình « tu dưỡng », thì có lẽ lão ta còn tiến-bộ hơn cụ

Không nữa kia. Nghe đâu hồi lão làm tể tướng, có một người dắt một con lừa đi qua giữa phố ; trên mặt con lừa nó lại khoác lên một tấm vải ; trên tấm vải viết hai chữ « Phùng Đạo ». Rõ ràng là chửi vào mặt cụ lớn. Thế nhưng cụ Phùng tuy mắt trông thấy rõ ràng cũng chả nói năng gì. Đến lúc một người bạn đem câu truyện ấy mách với Phùng, Phùng không có thể giả dẽc được nữa đành phải giả lời bạn rằng : « Trông thiên-hạ, biết Lao nhiều người trùng tên. trùng họ ; chắc gì hai chữ « Phùng-Đạo » nó viết lên đó là chỉ tên mình ? » Biết đâu không phải là một con lừa nhà ai mất, chúng nó tìm được, rồi định đem cả lừa đi để tìm chủ con vật mà giả lại... cũng nên ! »

Tục-ngữ nói : « Bụng tể-tướng chèo thuyền trong ấy cũng được ». Nghĩa là nhn kể không biết nhin thì khó thể làm như tể-tướng. Người ta còn kể chuyện rằng : Đời nhà Đường, có một ông tể-tướng nữa tên là Lâu-sư-Đức, khi làm quan đầu triều cụ lớn Lỗ cạo em đi làm đồ-độc vùng Đại-châu. Lúc ông quan chủ sắp lên đường, quan bác hỏi em : « Anh là một người bất tài, thế mà lên đến ngôi tể-tướng. Nay chú lại làm đồ-độc một châu. Phúc nhà như vậy, rất dễ khiến cho người đời ghen ghét. Chú tính thế nào ? » Ông em thưa : « Từ nay về sau, dầu ai có nhờ vào mặt em, em cũng không nói gì sớt ! Em sẽ im lặng lau đi là xong. Ăn ở như thế, hẳn không đến nỗi phiền anh phải luôn luôn lo cho em ! »

Sư-Đức nói : « Ay chết chính vì thế mà tôi lại càng lo cho chú... Người ta nhờ vào

mặt chủ, là người ta tức chủ, đến chủ. Bấy giờ chủ lau sạch, nước lọt tít nện chủ đi, thế có phải làm cho người ta càng tức không? Người ta nhõ nước bọt vào mặt, để vậy nó cũng khô đi, thì cứ vui cười cho người ta nhõ vào có hơn không?» Ông cười: «Em xin cúi đầu vâng lời anh đây.....» Câu chuyện trên đây là câu chuyện «Nhờ vào mặt rồi bãi nước bọt tự khô» của Lão-sư Đức. Bấy nhiêu câu nói thực là một thiên tả-chân rất liệch động để biểu-hiện cái tâm lý những kẻ đã nhẫn nại chịu hết mọi nỗi khổ nhọc, miễn là lãnh được nên quan.

Cụ Bạch-Sa tiền sinh . . . là một nhà đại nho đời Minh cũng có viết mấy câu châm ngôn về chữ «nhẫn». Cụ nói: «Thất tình phát ra, duy giận là mạnh. Lòng giận nổi dậy, chỉ nhịn là hơn. Khi lửa giận nồng, lấy «nước nhẫn» trị. Một nhịn hai nhịn, càng nhịn càng sắc! Nhịn hết trăm bề, là Trương-cống-Nghệ. Đứng rồi mưu to mới có thành công. Nếu không biết nhịn, thất bại đến nơi». Cụ Bạch-Sa muốn học Trương - cống - Nghệ, «nhịn hết trăm bề» Đáng tiếc là cụ không làm lễ-tướng như tui Lão-sư-Đức và Phụng-Đạo để đem chữ nhẫn ra mà trị nước. Nên chỉ cụ chỉ có thể lấy chữ nhẫn để trị nhà mà thôi. Trong nhà ngoài nước, đều không có thể rời được chữ nhẫn: thì ra dân tộc nước Trung-hoa mình là một dân tộc vĩ đại khéo nhịn hơn hết cả

Cái chữ «nhẫn» này, có thể gọi là một hệ-thống triết-học trong quốc-hiền, quốc-túy có một không hai của chúng ta. Kể ra các nhà đạo Lão phát minh ra nó đã lâu kia, nhưng rồi người ta cũng chưa hề đem ra trình bày đề-xin lấy đạo Lão cấp chế tạo. Cái chủ nghĩa «bất-tư-nh» của Lão-tử là cốt ở chỗ biết nhịn. Lão nói: «Thì chỉ vì không tranh giành, mà thiên-hạ không ai tranh giành với mình». Cảm (lạc) lý, đây chỉ là một lối nguy hiểm mà thôi. Để kể các nhà «Đạo-học» tiền đời Hec-gi-ê mà gọi kèm với Lão Tử, và cho rằng học thuyết của họ là «học thuyết Lão-gi, I-ê». Thuc ra câu nói

của họ chỉ là một câu nói cần. Qua vậy; nếu như ta có thể tin được những đoạn sử chép đến đời Hoàng đế thì ngay lúc Khai-quốc, Hoàng đế đã dùng chủ nghĩa để kháng chủ nghĩa tranh-dấu để bước qua hết những nỗi khó khăn rồi! Hoàng-đế có đánh đuổi giặc Xi-vưu, thì mới trừ được một mối ngoại-hoạn cho Trung quốc, mới chính thức được nội-chính để lập nên một quốc-gia chữ! Lão Tử thì chủ trương đừng tranh-dấu, phải nhu nhược, thế là không những Lão không hề theo dòng đạo-thống của Hoàng đế, mà cũng chưa chắc đã đáng là một người con cháu Hoàng đế nữa kia!

Từ lúc Triết học nhà Phật truyền sang Trung quốc, thì từ trước họ Lão lại thêm được một tay giúp-việc nữa. Nghe dần dần còn tu luyện. Thích-ca thường thường ngẫm nghĩ im phăng phắc, không چرا vậy một tí gì, ở dưới gốc một cây bồ-đề. Một cơn chim ở đâu bay đến, nó ngờ rằng con người đó là một khúc gỗ; thế là để ngay một quả trứng vào làm tổ của nó. Lúc đẻ Phật sinh con ngẫm, mới biết rằng trên lưng óc của ngài có cái trứng chim. Ngài nghĩ bụng: nếu mình đứng dậy thì chắc là con chim không có thể tìm đường trở lại và quả trứng sẽ vỡ hỏng mất. Thế là ngài lại ti ở vào con ngẫm mãi cho đến lúc quả trứng nở rồi, con chim đơn bay đi rồi, ngài mới đứng dậy đi về. Ấy đó: câu chuyện cũ vậy có lẽ chưa chắc gì là một chuyện thực nhưng cái công phu tu-dưỡng của nhà Phật đã thực hành chữ « Nhẫn » lại còn cao bằng mấy họ Lão. . . . nữa kia! Trong thời kỳ Lục-Triều từ trước Phật Lão rất có thể lực: ấy lại chính là lúc dân-tộc Trung-hoa bị khổ sở hơn lúc nào hết. Cả một vùng đất Bắc nước nhà, bị lũ Ngũ-hồ, mười sáu nước Bắc Triều xâu xé, dày vò, thương hại cho cái triều đình nhỏ nhỏ miền Nam, ẩn trong một góc, nín tiếng im hơi, sống say chết mộng, để qua ngày trọn tháng.... Đời nhà Tống, tiếng rằng tư tưởng nhà nho có thể lực rất to nhưng thực ra, mấy bác «đạo-học» của đời nhà nho kia vẫn khác các họ Lão và Phật. Họ thích «cao đàm闊 luận» mà chẳng chú ý đến công

việc thực-lễ. Một câu truyện cũn truyện lìm câu cưỡi nghìn thu là (cũ : « Các cụ cái lý cũng nhau chữa xong gì, mà quốc giặc đã qua sông », Ấy lại là một thời kỳ điên đảo, khổ sở thứ hai cho dân-tộc Trung-quốc. Đất đai miền Bắc vào tay bọn mọi rợ : Kết quả, triều-đình cón con miền Nam lui bước, lui bước, lui mãi đến tận ngọn núi « Lý-Nham » miền Quảng-Châu ; ông vua bé-con nhầy xuống bề trăm mình chết xong đời !..

Đến triều Minh, “Đạo-học” có thể nói là bước vào thời kỳ trung-hưng. Nhưng các nhà nho thấy-chung vẫn là mấy chú-lái đi quảng-cáo cho đạo Phật và đạo Lão : triết-học thời ấy là triết-học tiêu-cực, triết học lười nhát, một thứ triết học không muốn đi lên một bước nào nữa ! Tiếng rằng có bác Vương-Dương-Minh nào đó — người ta vẫn mục cho lão làm một ông đồ vô dụng — đã có thở ra mấy câu bất bình, nhưng chả bao lâu thì học-thuyết của Vương cũng truy-lạc thành một lối nói cuồng-phóng mà thôi ! Nhà Minh mất nước, dân-tộc Tàu lại điên đảo trong một thời kỳ ba trăm năm nữa ...

Không phải là tôi quyết đem hết trách-nhiệm tất cả các thời kỳ khốn đốn của dân-tộc Trung quốc, trong hai nghìn năm nay, mà trút sạch vào đầu các đồ đệ Lão và Phật, cùng bọn đạo-học trong Nho giáo đâu ! Chẳng qua huyết mạch dân ta tiếm nhiễm được tư-tưởng ba phái đó đã lâu, mà cái công phu tu dưỡng của ba phái ấy để thực hành chữ « nhân » của họ càng làm được tinh thâm chừng nào, thì cái tính nhịn nhục của họ, lại càng kiên cố chừng ấy, để mà thành hẳn một tính-cách đặc biệt, rất bền chặt của dân-tộc, đánh cũng không tan nữa ! Vì vậy mà cái dân tộc nhịn nhục rất vĩ đại kia, cũng thành ra một dân tộc rất thích hợp cho sự xâm-lược và khinh rẻ của người nước ngoài.

Một nhà triết-học đã được người ta liệt vào phái Mặc đã nói rằng : « Thấy sự nhục nhã đừng lấy làm nhục ; ấy cũng là một cách trêu xêu để cứu đời ». Chịu đựng hết mọi lễ, để mà đề auống hèn-linh : đấy thật là một chủ nghĩa hòa-bình rất là vĩ đại !

Còn nhớ trong tập « Diệt-hương thất tùng thục », một nhà nho đời Thanh, là Trương-bồi-Nhân, có viết đoạn văn sau này :

« Chỉ một chữ “Nhẫn” là một thứ thông-biểu của thiên-hạ. Ví dụ như ta cãi cùng « ai về một câu chuyện gì, nếu biết nhịn đi, « thì tỉnh-giảm đi được bao nhiêu là mồm « miệng ! Nếu như gần với một người « dân bà đẹp, mà biết nhịn đi, thì có phải « là gìn giữ được bao nhiêu là tinh thần « rồi không ?... »

« Bao nhiêu công việc này, nọ trên đời, « vừa mới nghĩ đến trong ý tưởng là nên « giật mình tỉnh dậy ngay mà nhịn đi. Xỉ « tri mấy ý tưởng đó, cũng như ta trị con « ngựa ấy mà : nó muốn lười là ta đánh « ngay một roi, thì công việc dễ dàng đi « nhiều ! Nhưng trong chữ Nhẫn còn có một « chán - đan nữa : ấy là chữ “Hòa”. Lấy « “Hòa” khi mà vận-dụng chữ Nhẫn, như « lấy dao mà cắt nước vậy : chả có một dấu « vết gì sót ! Hòa, nghĩa là có những cảnh « người đời coi như phong ba bão táp, mà « ta cho là ăm áp giới xuân ; người kia cho « là trận sóng cuồng mặt bể, mà ta cho là « phẳng phẳng đất bằng : thế mới thiệt « là “Hòa” ».

Thế nghĩa là nói : « Nhịn nhục với hòa-bình, là hai sự trạng không thể cắt đứt cho lìa nhau ra được ». dân tộc nước Trung-hoa chính là một dân-tộc nhịn nhục vĩ-dại hơn ai hết, mà đồng thời cũng là một dân-tộc vĩ-dại yêu hòa-bình hơn cả

(Trích ở tập Thái-Địch số 2 — Kỳ thứ 72)

VÔ - TÂM dịch

Ô - TÔ NHÀ LẦU...

CÁI MỘNG ĐÓ SẼ THÀNH

SỰ THỰC, NẾU CÁC NGÀI

BỎ 1 \$ 00 MUA

VÉ SỞ SỞ ĐÔNG - PHÁP

NGU'OI VA LO'N

NGUYỄN LƯƠNG NGỌC

Tài sản của phó Thịnh là một con lợn giống. Người nuôi vật nhưng thực thì vật làm đề cung người.

Khắp một vùng từ Gián Khuất đến Chi-Phong ai có lợn nái muốn gây ồ ồ đều phải gọi đến bác phó Nguyên-ngoại. Một đồng một chuyến đi, quen biết, hậu hĩnh ra thì lại thêm một bữa chén.

Kề cũng nhiều người muốn nhân thân như bác Thịnh, cũng muốn chăm lấy một con « phủ nà » tốt giai. Song hoặc đang béo tốt quay lơ ra chết, hoặc trông thấy chuồng lạ, cụp đuôi chạy rúc mũi vào đồng rơm. Thành ra « độc quyền » hoàn toàn về ngoại xã.

Thánh cho ăn lộc.

Bác phó — —
chả biết khéo tay khéo chân thế nào mà một độ đã phải bán cả riu cả đục để lên làm phu trên đồn điền Tây tư. Sau may gặp ông thầy bói : quẻ đặt có năm xu « ngải » ứng miệng mách rằng : « Sớm mai ra đứng cầu phong ở ngã ba đường, vận đến thì gặp quý vật. Nhưng phải kiêng sông nước. — Dá thành tâm chút nữa thì ngải còn mách cho khỏi điều hay... »

Mấy hôm sau, ngẫu nhiên cỡ người gọi bán, và bác mua. Người bán, cốt tiến bộ trong nghề, ra Hà-nội làm phu xe đêm. Bác mua, mưu sự về quê lập nghiệp.

*

Người va lợn thế là hợp tuổi, phải cái không hợp nết. Bác thì hay la cà trẻ chén ; nó thì dửng mực, miễn xong việc thì thôi. Bác đẩy dĩa, mỡ cuộn đóng lại ở cằm, ở mí mắt. Nó thon thon, chắc thịt, toàn gân. Bác rất ba hoa, tiếng lại oang oang, vào đầu nôi đình đám đấy ; bóng phèng khéo đến con gái chín chắn nhất cũng phải đỏ mặt cười nguyệt. Nó có vẻ quý phái, mừng giận không hiện ra nét mặt, cả những khi miễn cưỡng làm trọn nghề.

Hôm nay đây, có người mời thầy trò xuống xóm trại, hẹn thêm một tiệc rượu. Trò mãi miết,

chạy, thầy thông lưng, vác vai, chiếc sáo ba lỗ gài cổ áo, ngả nghiêng theo sau, chừng đã có vài cút điếm-tâm trước.

Rượu ngấm làm căng mịn làn da mặt mỏng tang, gió vỗ mạnh, rít và tề tề. Tâm thần nở bưng, nhẹ lâng lâng, bác phó Thịnh bước một trên đường đi. Bác đã quên hết những nỗi khổ cực ngày xưa. Bác chỉ thấy đời thái-bình, mọi người đều an cư lạc nghiệp. Có lẽ tự cho mình là tinh ma, biết tìm một việc làm nhân thân lại có bổng, thỉnh thoảng bác lại ngửa mặt lên cười vời đám giàng xa xăm. Rồi lại nhìn mấy cây ngô vượt trên nương đậu nành sai quả, nhìn những luống ruộng đương soè bánh xe xanh mát đầy lông ; những thửa đất tím tím san mịn cang thẳng thành hàng ; những vườn dâu không bưng kín như mấy xường máy mái gianh ; những khu mía chỉ chít như rừng lau. Nhìn bằng con mắt thần nhiên, không cần nghĩ ngợi, và thấy cái gì vật gì cũng đáng yêu quá.

Gió là là mặt ruộng bốc lên, tỏa những cảnh cào cào xanh đỏ.

Đang xa, con lợn giống ý chừng đợi chủ, ghéch một chân sau đứng im.

Tiếng vỗ đập đất vắng đưa từ gốc trám ; tiếng cười nói ần nấp trong nương dâu.

Đã đến thôn dưới, một thôn chuyên nấu rượu, bả cái thì nuôi lợn con. Chả biết mền cảnh hay mền nghề, mà cả hai thầy trò cùng dừng lại đây, tha thần trong bóng chiều tà.

Lúc bấy giờ bác phó mới rút ống sáo giắt sau vai, và hơi men nâng hơi trúc, những đơn âm lơ lượn trên vầng không, xanh vát như mảnh trời cao.

*

Sâm sâm tối bác Thịnh mới ra về, gặp ngày giỗ họ mời ở lại lâu, giả công tở bằng một lon cám nấu, thầy bưng một bữa rượu ngon. Giờ thì bác say lăm, say đến thành ra người điếm-đam, như người điếm im lặng. Bước một, bính tỉnh,

ác đi trên đôi con, không vấp ngã, không nam xiêu, chắc chắn ở việc làm của mình, ở trí nghĩ của mình. Đến chỗ ngồi về nhà, bác nhất định không cho lợn rẻ, phải tiến thẳng ra bờ sông trong óe rượu mới này, lấy bát nó tẩm, cho sạch và cho nó mát.

Tối lại nước, nó đứng lại, hông hộc tổ về ngạc nhiên và lo-sợ. Nà-rag chủ đã định thông dong vào cõ, đang quyết tâm nó qua sông. Nó cố gò lại, miết bốn chân giò vào bờ đề. Bác thẳng thân, không rút rẻ, bước vào nước.

Lúc lâu chỉ còn một đầu ngời thò lên khua động ánh trăng xanh, con vật thì chìm ngấm từ bao giờ, cũng chẳng sủi tăm.

Ra khỏi dòng nước ngời từ thớ lồi sần sềch lợn về đến tận nhà đi xuyên qua mấy lối tắt...

Và hôm sau, tuy cảm sốt nặng cũng cố gượng dậy, cầm đàn bà không được sả thịt con «phủ na» đem ra bán chợ. Thằng con nhỏ với cái cái đuôi bị quít năm rồi hải mồi bốn.

Bác phó Tajah thả đánh ngã con chó vện, và đi mời hàng giáp làm giỗ mấy mâm chả dựa mạn.

Thế rồi ngời ta được mục kích một sự lạ chưa xảy ra bao giờ ở thôn quê. Lũ người no cơm rượu đi đưa đám một con heo bó chiếu. Phờng bát-âm thối bãi xuân-nữ: cái trống cơm cồm nhịp cho mấy khẩu vàng gieo bên đường.

Ông phò, chít khăn ngang, chống gậy tre, đâm chiếu như ngời mất vật quý.

NGUYỄN LƯƠNG NGỌC

Kính cáo bạn đọc T. N.

Vì giá vật liệu và nhân công tăng lên, nên bắt buộc chúng tôi phải tăng giá báo từ 0\$40 lên 0\$50 một số, kể từ 1er Mai 1944 giờ đi.

Giá mua báo dài hạn cũng tăng lên như sau này:

Ba tháng: 6\$00 Sáu tháng: 11\$00 Một năm: 20\$00

Đó là sự bất đắc dĩ của chúng tôi trước biến nhiều nỗi khổ khăn, xin các bạn xét cho.

Riêng cho bạn đọc ở Hanoi

Theo lời yêu cầu của nhiều bạn, cũng bắt đầu từ 1er Mai 1944, chúng tôi đặt ra một hạn «mua báo năm» nhưng «giả tiền từng tháng».

Các bạn mua theo lối đó sẽ được hưởng những quyền lợi sau này:

1-) Việc giả tiền báo, với số tiền chúng tôi định là 2\$10 mỗi tháng, được nêc nhàn hơn trong thời buổi đắt đỏ này.

2-) Các bạn sẽ có báo đưa đến tận nhà, không phải mỗi tuần đi mua vừa mất thì giờ, vừa có khi nhớ quên để chậm là thiếu báo.

3-) Các bạn sẽ được hưởng những quyền lợi của người mua báo năm: Thí dụ được trừ 20% về các sách của nhà xuất bản Thanh-Nghị.

Trái lại, xin các bạn vui lòng theo đúng những điều kiện sau này:

1-) Tiền báo các bạn phải giả trước và đến tòa báo giả, mỗi tháng từ ngày 25 đến 30 hay 31. Sẽ có một quyển sổ riêng để các bạn ký nhận vào đó làm bằng cho các bạn.

2-) Quá ngày 30 hay 31, bạn nào chưa giả tiền thì tức khắc chúng tôi đình việc gửi báo tháng sau.

3-) Bạn nào giả tiền chậm chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự thiếu những số đã đình gửi, nếu chẳng may những số đó hết mất.

4-) Chỉ những bạn nào tiếp tục mua báo theo lệ trên đây sau 6 tháng liền giờ đi mới được hưởng quyền lợi của người mua báo năm.

THANH - NGHỊ

HOC PHẢI LE PLAY

A. A. dịch

Những người kế chi của Le Play thấy phương pháp của ông còn khuyết điểm.

4-) Lối phân tích xã hội của Le Play không được ổn về những cơ quan và tổ chức rộng hơn và phức tạp hơn gia đình. Cách khảo cứu riêng từng cơ quan « không lột được tinh thần toàn bộ của xã hội ; và không thấu được những vấn đề đại quan hệ, thành ra một kẻ môn sinh có công nghiên cứu tỉ mỉ sự vật mà vẫn không tìm được những căn nguyên cốt yếu của cuộc thịnh suy của một nước ».

2-) Phương pháp ngân sách « chỉ định lượng được những hiện tượng có thể đo bằng tiền ». Đó là một sự khuyết điểm không những về các cơ quan to trong xã hội mà cả về gia đình nữa ; là vì thật ra, « không phải rằng tất cả những sinh hoạt gia đình đều xuất hiện bằng một số chỉ hay thứ. Thí dụ, sự giáo dục con em là một công việc rất quan trọng trong gia đình, không thể mô tả bằng con số được ». Và lịch sử gia đình cũng vậy. Hơn nữa, chính trong những sinh hoạt có chi thu, « ngân sách chỉ biểu hiện được phương diện tiền tài thôi, còn phương diện khác không đã động tới » (1). Và lại, chỉ chú trọng đến phương pháp định lượng, nếu Le Play cho cách sinh nhai một địa vị quan trọng quá đáng và làm giảm mất địa vị của sự học hành và giáo dục của con em. Do đó mà ông quá chú trọng về cách di sản của cha mẹ cho con, và căn cứ vào đây ông phân loại các thứ gia đình khiến ta không được vừa ý lắm (2).

Vì những khuyết điểm ấy, nên những môn đồ cự phách, kế chi ông, đã khảo sát lại và tu chỉnh lại phương pháp của ông. Đó là công của các ông Henri de Tourville, Demolins, de Rosiers, Pizoi và vài ông khác. Kết quả họ đặt ra một cách gọi là *Danh biểu xã hội học* (*Nomenclature*

de la Science Sociale) trong đó, họ vẫn giữ những tinh cách quan trọng của phương pháp Le Play, nhưng tu chỉnh lại. Ta hãy xét qua cái danh biểu ấy nó là một bản lược-diễn rất công phu và rất rành mạch về sự phân tích các loại và các cơ quan xã hội. E. Demolins đã nói không ngoa rằng : « Danh biểu là một đồ dùng phân tích rất đúng và rất tiện. Nó là một thứ rây có thể đem phân tích các phần tử của một xã hội, rồi đem phân loại ra theo tinh cách của mỗi phần tử trong một bảng có 25 mục (3) ». Trong danh biểu ấy gia đình vẫn là căn bản của sự phân tích (đơn vị xã hội), nhưng những tinh cách, những liên lạc của nó với hoàn cảnh xã hội và cả cái hoàn cảnh ấy nữa đều được quan sát một cách rất rành mạch rất chu đáo đến nỗi rằng, cứ theo danh biểu 25 mục mà nghiên cứu một loại gia đình thì có thể nhận được cả cái diễn hình của xã hội cũng là những điều kiện tổ chức, sinh tồn của xã hội ấy. *Danh biểu* kể từ những hiện tượng giản dị cho đến những hiện tượng phức tạp. Mười năm mục ấy lại thuộc phân làm 11 tiểu mục, tất cả xin xem sau đây :

I. — *Địa vị của gia đình* (Hình thể địa dư của gia đình xã hội) : địa thổ, địa phận ; hình thể địa diện, sông ngòi, nước phạm phủ ; khí hậu ; thực vật giới, động vật giới.

II. — *Chức nghiệp của gia đình* : 1 Thu tập địa lợi (hái hoa quả, câu cá, săn bắn...); 2 khai thác địa lợi (canh nông, khoáng nghiệp...); 3 Công nghệ bằng tay, bằng sức ; vật kéo dầy bằng sức gió, sức nước, sức lửa, sức than, sức dầu xăng ; 4 Vận tải : bằng xe, bằng tàu thủy ; bằng hơi nước, bằng điện vân vân...

III. — *Bất động sản của gia đình* : phần tử hợp thành hình thể chiếm hữu, hình sản và...

III. — *Bất động sản của gia đình* : phần tử hợp thành hình thể chiếm hữu, hình sản và...

sẵn, bất động sản và tính chất của nó; trạng thái và tổ chức bất động sản ở trong đoàn thể.

IV — *Động sản*. — Gia súc; dụng cụ, đồ đạc, (gia nhân nô lệ chế độ văn vâng.)

V — *Tiền rông của những phần tử gia đình*: giả bằng gì, bao nhiêu, giả thế nào v. v...

VI. — *Tiền để dành*. — Bằng gì, bao nhiêu, để cách nào v. v...

VII. — *Gia đình*: loại gì? gia-trưởng chế độ; giả gia-trưởng chế độ, cá tính chế độ; cha mẹ, con cái bao nhiêu, có khiếu gì; con có gia thất; con đã ra ngoài gia đình; con không có gia-thất; gia nhân; những phần tử có tuổi, những phần tử ốm đau hay tàn tật.

VIII. — *Trình độ sinh-hoạt vật-chất của gia đình*. — ăn uống; nhà cửa; quần áo; vệ-sinh; tiêu khiển.

IX. — *Giai đoạn trong cảnh hưởng gia đình*. — lại lịch cha mẹ; những việc quan trọng: sinh con, giáo dục học hành, tiệc tùng lễ nghi, cưới hỏi lập kế tự, khế lư, lập di chúc, chia gia-tài v. v... Những việc bất thường, tai nạn bệnh tật, tử táng, thất nghiệp, công nợ, con em vô赖, tố tụng, hình phạt, công dịch hiện tại và các tai nạn khác,

X. — *Chủ nhân thế độ*. — chủ nhân và bảo hộ; gia-trưởng; đốc công; chủ ông; nghiệp đoàn.

XI. — *Buôn bán*: tiêu thương, đại thương; quản-lý nhà buôn.

XII. — *Trình độ trí thức*. trình độ trí thức nguyên nhân cách sinh hoạt, nghề nghiệp trí thức giáo sư, bác sĩ, bác học, kỹ thuật gia, văn gia, hạt su; nghiệp đoàn kỹ-nghệ.

XIII. — *Tôn-giáo* gia đình tế-tự, công cộng, tế tự, liên đoàn tôn-giáo; trạng thái chia rẽ.

XIV. — *Bằng lặn*: gia đình gần kề; gia đình cùng một khu; giống nhau và khác nhau giữa gia đình của mình và gia đình bằng lân.

XV. — *Hiệp đoàn*: hiệp đoàn chung một quyền lợi; hiệp đoàn ích lợi cho cả xã hội.

XVI. — *Giáo-quận*: chi bộ của quận; bất động sản của quận; chức vụ; những người cầm đầu, quận chính.

XVII. — *Quận đến liên hiệp*: Các quận khác nhau thế nào, của rải và lợi tức công dịch và công vụ, trực tiếp đương sự và gián tiếp đương sự, người cầm đầu, liên đoàn quận chính.

XVIII. — *Thành-phố*: Vị trí địa dư; của cải, lợi tức; công việc; dịch vụ, trực tiếp đương sự, gián tiếp đương sự, người cầm đầu, quyền chính.

XIX. — *Chi bộ tỉnh hạt*:

XX. — *Tỉnh hạt*:

XXI. — *Quốc gia*.

XXII. — *Xã hội bành trướng* di dân; xâm lược; thực dân.

XXIII. — *Xã hội ngoại quốc*: đường giao thông và cách giao thông; di dân vào nước, di dân ra ngoài, cạnh tranh.

XXIV. — *Lịch sử xã hội*. — Nguyên nhân lịch sử của tình thế hiện tại: cuộc tiến hoá của xã hội; so sánh với những xã hội trước trong lịch sử quốc gia.

XXV. — *Xã hội vào hạng nào*: địa vị của xã hội trong hoàn cầu; cải cách; tương lai của xã hội (4)

Đó là lược qua danh biểu mã, học phái Le Play coi làm phương pháp phân tích và tổng hợp xã hội. Điều cốt yếu của phương pháp này là đem tham hợp tất cả các yếu tố, động lực có liên lạc đến cuộc sinh hoạt và cách tổ chức của xã hội, mà tham hợp một cách tránh mạch, chu đáo, thủy chung. Mục I gồm những yếu tố địa dư mà ta có thể biết được. Mục II, III, IV, V, và VI gồm những yếu tố kinh tế. Do đó, khu sở và chức nghiệp đã xác định được gia đình thuộc về «loại» nào. Mục VII, VIII, IX biểu thị những yếu điểm của tổ chức và động tác của gia đình. Từ mục X) ta đã ra khỏi phạm vi gia đình, vào khu vực xã hội, xét những liên lạc giữa gia đình và những cơ quan, đoàn thể của xã hội. Đi từ những đoàn thể đơn giản nhất cho đến đoàn thể phức tạp nhất, ta từ từ tới đoàn thể cực đại: là nhân loại.

Ta phải công nhận rằng *Danh Biểu* này đã xét đến tất cả yếu tố, động lực quan hệ của nhân sinh và cuộc tiến hoá cũng là rách tổ chức (Xem tiếp trang 23)

SU' TA SO VOI SU' TÀU

Ứng-hóa NGUYỄN VĂN TỐ

K— TÊN HIỆU NƯỚC TA

2.— Văn-lang

Hai chữ Văn-lang bắt đầu có từ đời vua thứ ba họ Hồng-bàng (2879-258 trước T.-C.) tức là Lạc-vương mà xưa nay vẫn nhầm là Hùng-vương.

Mấy quyển sử ta đều chép rằng : « Khi Hùng-vương đã nối ngôi của Lạc-long thì đặt tên nước là Văn-lang ». *Đại-Việt sử-ký toàn thư*, ngoại-kỷ, (q-1, tờ 3 a) chú thích rằng : « nước ấy phía đông giáp Nam-hải, phía tây đến nước và nước Ba-Thục, phía bắc đến hồ Động-dinh phía nam giáp nước Hồ-tôn, tức Chiêm-thành, nay là Quảng-nam ». *Đại-Việt sử-ký*, tiền biên (q-1, tờ 5 a) thì chú thích rằng : « Cựu-sử nói : nước ấy phía đông đến bể (thế là dẫn ở *Toàn-thư*, mà lại bỏ chữ Nam, chỉ viết chữ Hải), còn phía tây, phía bắc và phía nam thì chép giống *Toàn-thư*, nhưng dưới chữ Hồ-tôn, chỉ chừa chữ Chiêm-thành, không có chữ « nay là Quảng-nam ».

Tra *Từ-nguyên* (quyển tí, trang 388) thì Nam-hải là một dãy bờ bể từ Đài-loan qua phía nam Phúc-kien đến nửa cù-lao Lôi-châu và cả cù-lao Quýgh-châu, tức là làm bờ cõi nước Nam. Thế thì *Toàn-thư* chép phía đông đến Nam-hải là phải.

Nước Ba gồm bốn phủ Bảo-ninh, Thu-xu-khánh, Qui-châu, Trưng-khánh cũ, và Lư-châu đều thuộc về tỉnh Tứ-xuyên bây giờ (*Từ-nguyên*, quyển dần, trang 164)

Nước Thục gồm bốn phủ Thành-dò, Loug-an, Chàng-châu, Nhã-châu cũ, đất Ngang-châu và phía tây phủ Bảo-ninh, đều thuộc tỉnh Tứ-xuyên bây giờ (*Từ-nguyên* quyển thân, trang 125).

Khâm-định Việt-sử (tiền-biên, quyển 1, tờ 3b-4b) có bài căn-án như sau này : « Bờ cõi nước ta từ Trần, Lê về trước, phía đông đến bể, phía tây giáp Văn-nam, phía nam giáp Chiêm-thành, phía bắc giáp Qnân-tây, phía đông-bắc giáp Quảng-dông, phía tây-nam giáp Lão-quá, so với các sách tàu như quyển *Thiên-hạ quán-quốc* và *du-địa*, đều chép : « nước Annam phía đông đến bể, phía tây đến Văn-nam và Lão-quá, phía nam đến Chiêm-thành, phía bắc đến Quảng-tây » : Đại-khai giống nhau cả duy đến triều Nguyễn tạ, đức Cao-hoàng (Gia-long, 1802-1819) định được Thần-châu có cả toàn Việt, thì phía đông đến bể lớn phía tây giáp Văn-nam, phía nam giáp Cao-man, phía bắc giáp Lương-Quảng ;

cái địa-dò ấy trước chưa từng có. Nhưng cùng với Động-dinh, Ba-Thục còn cách nhau xa, thế mà sử cũ (tức *Toàn-thư*) chép : « Nước Văn-lang phía tây đến Ba-Thục, phía bắc đến Động-dinh », thế có phải là quá sự thực không ? Động-dinh giáp hai tỉnh Hồ-nam và Hồ-tắc, thực là ở phía bắc Bách-việt, Ba và Thục thì còn cách nước Tây-diên. *Từ-nguyên* cho vào Tứ-xuyên (nay thuộc Văn-nam) không thể liên cậi được. Cựu-sử chép khoe-khoang cùng với việc Thục-xương ở dưới đều là truyền hư, khó khảo xét nổi hướng chỉ 15 bộ của Văn-lang từ Giao-chỉ Chu-diên trở lại, không có một bộ nào ở phía bắc đều đủ thực là sai ».

Như thế là bộ *Khâm-định* đã đề ý đến chỗ đóng-tập từ-chỉ của nước Văn-lang. Năm 1918, ông Henri Maspero viết đến *Văn-lang quốc*, có một bài bình phẩm bằng chữ Pháp (*Etudes d'histoire d'Annam*, VI, *Le royaume de Văn-lang*) đang ở *Bulletin de l'Ecole Française d'Extrême-Orient*, quyển XVIII, số 3) tôi dịch ra như sau này :

« Những truyện truyền-ký của các nhà làm sử Nam chép ở đầu sử rằng : lúc đầu tiên trước khi nước ngoài đến xâm chiếm đất Bắc-kỳ là nước Văn-lang, do một giống vua tên là Hùng-vương đứng trị-vi, mãi đến ngày có một ông vua nước ngoài là con vua Thục đến cướp, đổi tên nước rồi làm vua.

Nước Văn-lang rộng lắm, *Toàn-thư* (q-1, tờ 3 a) chép rằng : « nước ấy phía đông giáp Nam-hải, phía tây giáp Ba Thục, phía bắc đến hồ Động-dinh, phía nam giáp nước Hồ-tôn tức Chiêm-thành » Những bờ cõi ấy so với đất của người Nam hiện thời khác nhau xa lắm, Ba và Thục nay ở tỉnh Tứ-xuyên mà hồ Động-dinh thì ở giữa nước Tàu, trên bờ sông Dương-tử ở Hồ-nam. Chính những người chép bộ *Khâm-định* cũng đã cho là khó tin và cũng đã đề ý đến 15 bộ của Văn-lang chép trong *Toàn-thư* không đủ khắp được những bờ cõi ấy, vẫn trong xứ Bắc Kỳ và phía bắc Trung Kỳ. Rõ ràng là chép ở hai quyển sách tàu, mỗi quyển mỗi khác, và lại trái nhau, tôi sẽ lần-lượt xét riêng ra sau này :

« Nước của Hùng-Vương phía bắc đến nước Ba-Thục và sang đến tận hồ Động-dinh, thì có lẽ tại nhầm chữ Văn-lang với chữ Dạ-lang ; chữ Văn và chữ Dạ ho' giống nhau, dễ nhầm lẫn. Nó nhầm như thế không phải là đoán phỏng, sách chép nhầm thật. Quyển *Thống-diên* (q-1 18f, tờ 25b) chép rằng : « Phồn-châu là

nước Văn-lang đời xưa (chỗ này viết chữ lãng « lương » bên chữ nguyệt) và chưa rằng có sông Văn - lãng-
Nguyên-hòa quận-huyện chí (q. 38, tờ 9 b) nói quả quyết rằng: « Phong-châm là đất của nước Dạ-lang đời xưa; thực thế, trong địa-phần huyện Tân-xương bây giờ, có khe nước Dạ-lang. Đầu đời Hán Dạ-lang là tên một nước miền-tử (tức mèo) ở phía nam nước Tần; nước đó lan đến một phần Quảng-tây và Quý-châu; Các chỗ giáp giới chép không rõ, chỉ chép rằng phía tây giáp nước la-la (lolo) gọi là Điền, ở phía tây Vân-nam, phía đông hồ Vân-nam phủ. Nhưng mà ai cũng biết nước đó từng-phục nhì Hán từ năm 111 trước T. C. và Tần là quận Kiện-vi; sau quận ấy chia làm hai phía bắc là Kiện-vi, phía nam là Thương-ngô. Muốn biết biên-thùy những quận đó, không phải khó chút lắm. Cuối đời Tiền-Hán, quận Kiện - vi giáp phía bắc và phía tây sông Dương-tử sông Dương-tử cách quận Kiện-vi với quận Ba con như quận Thương-Ngô giáp phía bắc quận Kiện-vi và phía tây quận Tân-Ninh; Tân-Ninh là nước Điền ngày xưa ở phía đông-bắc Thương - Ngô, giáp quận Vũ-lãng tức là quận Kiềm-trung đời Tần), ở đây có hồ Động - đình. Như thế người ta có thể nói rằng nước Dạ-lang (sau là quận Kiện-vi và quận Thương-Ngô) giáp một bên với nước Ba, một bên với hồ Động-đình. Vì Dạ-lang và Văn-lang đã lẫn nhau, thichép bỏ chữ Dạ-lang cho Văn lang là cố-nhiên.

Như vậy tên Văn-lang ấy không thấy trong sách cũ (tên Văn-lang là của vua đời Hồng-bàng đặt ra, suốt một dòng vua 2322 năm giao thiệp với Tàu có hai lần, mà phải ba lần thông-ngôn mới hiểu tiếng, như vậy thì sách Tàu biết đâu mà chép? tự nhiên thấy chép về đời Đường mà đã lẫn với Dạ-lang, là ở đâu ra? Người ta có thể tự hỏi rằng: chính chỗ chép chữ Văn-lang ấy có nhầm nữa không? quyển *Lâm ấp ký* nói rằng: Ở phía nam huyện Chu-ngô thuộc quận Nhật-nam có dân mọi tên là Vãng-lang (chữ lang này khuyên bên chữ lương: Văn lang nhân đã chép theo) (*Thủy-kinh-chủ* q. 36, tờ 23 a, còn *Thái-bình hoàn vũ-kỷ*, q. 171; tờ 7 b, viết là lang dân nhân không có chữ văn mà viết chữ nhân xuống dưới) Người rợ ấy không có nhà cửa, ngủ trên cây, ăn cá, thịt sống, (*Thái-bình-hoàn-vũ* không có chữ cá) làm nghề đi hái những chất thơm, đem bán ở chợ. Phía nam huyện ấy có con sông gọi là Văn-lang cũ. (*Thủy kinh chú*). Nhưng mà có người biên chép nào đó, vì vùng-về, nên khi chép đoạn sách *Lâm-ấp ký*, lại đem đổi tên huyện Chu-ngô ít người biết, làm Thương-ngô. Thế rồi các nhà làm địa-dư đời Đường bắt-chước chép nhầm (*Thủy-kinh chú* soạn trước đời Đường ít ra là, 300 năm, đã chép chữ Vãng-lang rồi: chính ông H. Maspero đã nói trên kia sao ở đây lại nói là từ đời Đường chép nhầm?)

« Những nhà làm địa-dư này, nhằm về địa-giới xứ ấy mới đi tìm ở phía nam Thương-ngô, nghĩa là phía bắc Giao-chỉ; nhầm thế lại lẫn với Dạ-lang, rồi... »

với Phong-châu vào chỗ Bạch-hạc, Việt-trí bây giờ; làm cho viết cả lối 文浪 là lối đúng, thành lối 文郎 là lối của các nhà làm sử người Nam (Chỗ này ông H. Maspero nói không xác đáng: *Thủy-kinh chú* viết 文郎 *Thái-bình hoàn-vũ* và *Thủy-kinh chú* viết 文浪 *Thái-bình nguyên-lâm* cũng chép đúng đoạn ấy mà viết 文郎 chỉ có *Nguyên-hòa* viết Dạ-lang 夜郎 chữ Văn-lang 文郎 b) (áp) bâu, cũng là do người Tàu viết).

« Người ta có thể bỏ rằng: *Thái-bình hoàn-vũ ký* chép có thành Văn-lang 文浪城 ở huyện Tân-Xương mà gần Việt-trí, ở làng Hi-cương, huyện Sơn-vi, tỉnh Phú-thọ, lại có đều Hùng-Vương có đánh tiếng, người Nam cho chỗ đầu thờ đó là thành Văn-lang, cũng như Cổ-loa là thành cũ của An-Đương là ông vua địa-dư. Ông H. Maspero viện lẽ ra như thế; nhưng chính *Thái-bình Hoàn-vũ* cũng có chép: thành cũ của An-đương ở phía đông huyện Bình-đạo.

« Bề như thế, xem ra khá mạnh; nhưng không có cái gì làm chứng rằng đền Hùng-vương là đền rất cổ. Đền ấy làm từ đầu thế-kỷ thứ 15, khi Tàu sang xâm chiếm, có chép trong 1 quyển địa-chỉ lâu về Bắc-kỷ cùng trong quyển *Đại-Minh nhất-thống-chí* (q. 9 tờ 5 b) và *Việt-Kiến-thư* (q. 1). Phải nhớ rằng: về thời Lý và trước nữa về thời Bắc-thục; chỗ đất huyện Sơn-vi bây giờ thuộc về châu Chân-đăng có phụ-đạo họ Lê cai-trị. Tục cúng lễ của người Nam giữ được ở xứ rợ trong bấy nhiêu thế-kỷ thì là thật.

« Theo ý tôi là ông H. Maspero Hùng-Vương có lẽ có từ đời Trần tôi xem ra người ta chọn một nơi đẹp ở vùng ấy để dựng đền bởi vì vùng ấy là Châu Phong đời Đường, là chỗ vì nhằm mà cho là nước Văn-lang và Kinh-dô của Văn-lang ».

Trong mấy quyển sách lâu mà ông H. Maspero đầu chứng trên này, cũ nhất là quyển *Thủy-kinh-chú* (của Lý-đạo-Nguyên đời Hậu-Nguy vào khoảng năm 386—534). chép tên nước ta là Văn-lang nhưng viết chữ lang « khuyên » bên. Rồi đến quyển *Thống-diễn*, quyển *Nguyên-Hòa*, cũng trong đời Tống (khoảng năm 806 — 820) thì một quyển chép Văn lang (*Thống-diễn*), một quyển chép Đại-lang (*Nguyên-Hòa*). Sau đến quyển *Thái-bình-nguyên-lâm* và *Thái-bình Hoàn-vũ*, thì một quyển chép Văn-lang chữ lang « khuyên » bên (*Thái-bình Hoàn-vũ*), một quyển chép Văn-lang, chữ lang « ấp » bên (*Thái-bình Nguyên-lâm*). Chữ lang rày đúng với chữ tên nước của ta mà sử-thần đã chép ra khắp các Sử-Nam.

Theo như lời bàn của ông H. Maspero, thì là chữ Dạ-lang, nhưng quyển sách viết chữ Dạ-lang là quyển *Nguyên-hòa*, in về sau, không lấy gì làm chắc chắn là đúng, còn bốn quyển kia thì đều chép lẫn của nhau, nhưng viết hai chữ lang khác nhau; cái đó tưởng không lấy gì làm quan hệ, vì sách tàu chép truyện nước Nam, phần nhiều chép đồng-âm, không mấy khi đúng mặt chữ, cũng như chữ Giao-chỉ viết hai chữ « chi » khác nhau.

HỌC PHAI LE-PLAY

(Tiếp theo trang 20)

xã-hội. Khác hẳn với nhiều phương pháp khác, phương pháp này không thiên vị một quan niệm nào. Vì phương diện địa dư, nó có tất cả cái hay cái chắc chắn của thuyết địa dư; nó lại xét kỹ lưỡng cả phương diện kinh-tế; và nó đề gia đình vào một địa vị đặc biệt trong các động lực của xã hội; nó nhận định xác ảnh hưởng của sự tương giao, tương động, của tôn-giáo, của pháp luật, nghệ thuật và khoa học, ảnh hưởng sự cấu thành và tính chất của các đoàn thể trong xã hội cũng là ảnh hưởng của chủng tộc và thể hệ. Không những thế thôi đâu, những mục trong *Danh-Biểu* không phải là tham hợp lại một cách vu vơ đâu, kết cấu, trái lại, rất rành mạch, có

quyền mỗi khác. hướng chỉ là chép chuyện nước Nam : như Lý nguyên Gia đời Đường, có quyền chép Lý-nguyên-Tổ, có quyền chép Nguyễn nguyên Hỉ. Theo ý tôi, hai chữ 'Van-lang' viết chữ 'Lang' cấp bên (như Thái-bình Ngự-lâm, đã chép) mới phải. Văn nghĩa là vẽ vào minh, Sử Nam chép rằng : « Trong đời Lạc-Vương, dân làm nghề bắt cá, thường bị giết, thường-luồng cần cỡi... Vua dạy lấy mực vẽ giống thủy quái ở mình từ bấy giờ không bị nam thường-luồng nữa : cái tục vẽ mình bắt đầu từ đây». Vẽ mình chữ Tàu là «vân thân». Có lẽ vì chữ «vân thân» ấy nghĩa là những người dân trong nước lúc bấy giờ hết thảy là vẽ mình, nên gọi tên nước là Văn-lang nghĩa là những con giai vẽ mình cũng như người Tàu gọi ta là Giao-chi, vì ngày xưa có nhiều người có hai ngón chân cái giao nhau.

Hoặc có người bẻ rằng : «Đời bấy giờ chưa có chữ, có lẽ chưa biết dùng chữ Văn-lang». Cái đó chưa chắc đã đúng vì vua bấy giờ đã biết dùng chữ : «Quan-lang», «Lạc-hầu», «Lạc-tướng», «Bồ-chính», «phụ-dạo» để gọi con Vua và các Quan, thì làm gì mà không biết hai chữ «Văn-lang»? Lại thử xét xem tên 15 bộ đời bấy giờ đều là chữ Tàu mà đều có ý-nghĩa cả, thì biết không phải là đời ấy chưa biết dùng chữ — 15 bộ là bộ Giao-chi, Chu-diên, Vũ-minh, Phúc-lộc, Việt-thường, Ninh-hải, Dương-nghĩa, Lục-hải, Vũ-dinh, Hoài-hoan, Cửu-chân, Bình-vân, Tân-bung, Cửu-đức và Văn-lang (chép theo An-nam Vũ-cống; còn Việt-sử lược và Lĩnh-nam trích-quái chép hơi khác).

(Còn nữa)

Ứng-hoà NGUYỄN-VĂN-TỔ

gốc có ngọn. Lối kết cấu ấy không quyết phân những yếu tố nào là quan trọng và yếu tố nào là phụ thuộc, nhưng biểu thị sự tương giao tương động của tất cả các yếu tố. Xem *Khu sở* thì định được những phương kế đình sinh; nhất là đối với những xã hội đơn giản; Xem *chức nghiệp* thì biết được những chế độ tài sản và những lợi nguyên khác của gia-đình; những điều kiện ấy cho ta biết cách tổ chức và động tác của gia-đình thuộc về loại nào; và loại ấy lại cho ta biết dân tộc thuộc vào hạng nào: rồi cái đặc tính hạng này lại điều khiển và kết định tính cách những cơ quan rộng hơn gia-đình. Đối với những xã hội phức tạp, thì đem cả lịch sử tiến hoá của xã hội tham chất vào những điều nhận xét hiện tại, ta cũng có thể theo phương pháp kể trên mà khảo sát. *Danh Biểu* xã hội, cũng như cách phân chi nhánh các loại thảo mộc, là một lối phân tích rành mạch những đoàn thể trong xã-hội, dựa theo nguyên tắc: chủng loại biến thiên. Nói tóm lại *Danh Biểu* thật là một công trình quan trọng trong xã hội học.

Dùng phương pháp ấy, nhiều người kẻ chi của Le Play đã viết được những chuyên lục trong đó họ phân tích được nhiều điểm hình xã hội của nhiều dân tộc. Một mặt tách bạch những nguyên tố lịch sử, một mặt phân tích những đặc tính tổ chức hành của một xã hội, họ đã đi tới được nhiều định lệ quan trọng về xã hội học.

A. A. dịch

ANH HOA

69, HÀNG THAN — HÀ-NỘI

ĐÁ RA :

QUÊ HƯƠNG (NGUYỄN TUÂN) "Hải
PHONG LƯU ĐỒNG RUỘNG (TOÀN ANH) 2550

SE RA :

BÔNG-CHU LIỆT QUỐC,
ÂM BANG TOÀN TẬP (văn-nghệ)
LUONG KHAI SIÊU)

Gia đình và giáo dục

(Tiếp theo trang 6)

VI.— Chương trình và phương pháp dạy khoa Sử-ký

Sử-ký đây là *Sử-ký địa phương*, của một làng hay vùng xung quanh đây. Có những bài sau này :

1) *Lịch-sử nguồn gốc của làng* — Làng thành lập và thời nào, dưới triều nào, do một việc nào hay một người nào lập nên : di dân lập ấp, chạy loạn, v. v..., hay do sự quần tụ ngẫu nhiên ? Ông thủy-tổ là ai ? Họ nào đã sinh cơ lập nghiệp lâu năm nhất ở đây ? Từ hồi xưa đến nay đã có những sự thay đổi gì ? Ở đây đã xảy những việc gì quan trọng, gây sự vinh quang và khổ nhục chung : Cháy, dịch, lụt lội giặc giã, trộm cắp...

Ta phải công nhận sự nghiên cứu trên là một chuyện khó khăn vô cùng vì nó thuộc về một khoa (Sử-học) hiện nay còn ở một trình độ thấp kém.

2) *Lịch-sử ông Thành-Hoàng của làng*

Nhiều khi làng là một danh thần có những công trạng hiển hách hay một ân nhân của làng như vậy việc thờ cúng thật hợp lẽ. Ta nên tôn kính nhắc lại thân-thể và sự nghiệp của Người. Nhưng cũng có khi, Thành-Hoàng là một gã làng nhàng nào vì «chết vào giờ thiêng mà được hiển thánh» (theo sự dị đoan) hay một tà thần nhảm nhí, hay một tướng nước ngoài không có một công ơn gì với mình và cũng không có tư cách hay hành vi gì cao thượng đáng làm gương mẫu.

Ta nên ~~bác bỏ~~ một cách khéo léo, sự thờ cúng ấy và khuyên dân làng nên thay đổi cho ông thần của làng được xứng đáng với lòng tôn kính của mọi người. Nhời khuyên ấy vị tất đã có hiệu lực vì lẽ phải không đủ làm tan mối sợ sệt hủ hèn của ma quỷ ! «Nhưng ít ra đã có một lần, dân làng được nghe nhời nói phải» Đó là lời một ông bạn tôi, ông Nguyễn-thiệu-Lâu, đã có lần khuyên Bơ dạt một làng kia về việc ấy, trong khi đi nghiên cứu địa-dư và lịch-sử ở một vùng miền nam Trung-kỳ

3) *Lịch sử các tiền-hiền của làng*. —

Tiền-hiền là những danh-nho trong làng người ta thờ ở «Văn-chi». Nhiều khi ở Văn-chi người ta thờ đức Khổng-Tử và 72 ông Hiền của đạo Nho rồi mới đến các Hiền của làng. Người ta lập hội «Tu-văn» để tế lễ những bậc ấy. Trong những Hiền của làng, ta chọn một vài người đáng làm gương mẫu vì công nghiệp, vì tư cách hay tài ba, ta nhắc lại thân thể và hành vi của họ để làm phấn khởi danh dự chung của dân làng và biểu dương những đức tốt.

Có khi trong làng có cả «Võ-chi» để thờ Văn để thờ những tướng sỹ của làng. Ta cũng nên nhắc lại lịch-sử của họ.

4) *Lịch sử các danh nhân, danh tướng và danh thần trong cả vùng*

Có những bậc sinh thời đã lập những công trạng oanh liệt hay có tài lỗi lạc, xuất chúng, mà tiếng tăm lòng lẫy trong cả một vùng thì lịch-sử của họ đáng được nhắc cho dân làng nghe. Việc này lại là một sự cần-thiết khi lịch-sử những tiền-Hiền của làng nghèo nàn quá.

4) Sau hết ta không nên quên kể *lịch-sử những Lạc anh hùng cứu quốc* đã chống giữ giang sơn nước Việt, và khi tiết công nghiệp biên bách đã chiếm đoạt lòng sùng bái của nước. Với tất cả sự kính đối với những bậc đại ân nhân. ta nhắc lại bản động oanh liệt của Trưng-Trắc, Trưng-Ngị, Trần-hung - Đạo, Lê-Lợi Nguyễn-Huệ. Ta nhắc lại sự dõng mãnh tàn bạo của quân Tàu trong những thời-xuất, lòng căm hờn của dân chúng trong khổ nhục, chỉ khí anh dũng, sự kiên gan sắt đá và lòng yêu nước tuyệt đối của những bậc anh hùng đó.

Nói tóm lại, những bài giảng về lịch-sử này, hệ thống của làng, của một vùng hay của cả nước đều quy vào một mục đích là gây cho phát bình dân, cái tinh thần đoàn-thể (yêu làng, yêu nước) và lòng biết hy-sinh cho đồng loại, bằng gương tốt của tiền nhân.

V. — Chương trình và phương pháp dạy khoa công dân giáo-dục

Khoa công dân giáo-dục dạy cho phải bình dân là chỗ hai mục đích, một mục đích thiết thực là chỗ họ hiểu quyền lợi của họ mà họ dễ bị lấn áp bởi bọn cường hào lợi dụng sự kém học của dân quê, và giúp cho họ hiểu chức phận những kỳ dịch trong làng là bọn người có thói quen lạm dụng quyền lực quá giới hạn mà pháp luật dành cho họ để bức bách dân em và thù lợi riêng. Mục đích thứ hai là giảng cho họ biết trong kỷ luật chung và hiểu nghĩa liên đới của cuộc sống chung. Nghĩa là khoa công dân giáo-dục dạy cho dân quê hiểu đại khái quyền hạn của cá nhân và bổn phận đối với đoàn thể hương thôn.

Có những bài giảng sau đây.

1.) Hương ước của làng

Hương ước là «hiến pháp» của làng. Nó gồm những luật lệ do làng lập nên theo thói tục từ ngày xưa với những điều thêm bớt dần dần. «Phép vua thua lệ làng». Những luật lệ ấy mọi người bắt buộc phải tuân theo nếu không sẽ phải nộp tiền phạt hoặc bị phạt ngồi tù, là một sự sỉ nhục lớn đối với dân quê. Thực ra ở nhiều làng hương ước có nhiều điều phiền phức nhất là về chuyện ăn uống tế lễ, tôn ti trật tự không hợp với cuộc sống mới và có thể gây nhiều điều hai như kiện tụng chia bè đảng. Nhưng nếu những tục lệ cổ hủ được cải lương thì hương ước giữ được mãi mãi sự quan trọng của nó. Đây là căn bản của sự tổ chức đời sống chung trong làng. Những luật lệ về sự canh phòng, treo cờ, ma chay, hội hè, đình đám tế tự, việc học, việc chợ búa, chia công điền, với tất cả những chi tiết về việc quản-trị hương thôn đều được ấn định trong hương ước.

Dân quê là bọn người thất học không còn hiểu luật pháp là gì. Cũng may là có hương ước nếu không thì không còn một chút trật tự gì cả.

Vậy điều quan trọng nhất trong việc dạy công dân giáo-dục cho dân quê là đem quyền hương ước của làng mà giảng kỹ-lưỡng cho họ, từng đề mục từng điều khoản, rồi bàn luận thêm về những chỗ không hợp thời và khuyên bảo những điều cải cách. Về chuyện sau này cần phải có sự hưởng ứng của dân anh trong làng.

2.) Sự tổ chức việc quản-trị hương thôn và quyền hạn của chức dịch

Trong hương ước chỉ nói đến những chi tiết quản-trị hương thôn về lệ riêng của làng mà quan phải giảng cho mọi người hiểu những nguyên tắc quản-trị các làng trong sự tổ chức hành chính của toàn xứ. Chức vụ, trách nhiệm của Hội đồng kỳ mục, của Tiền-chủ, của Chánh phủ lý, sự liên lạc giữa hàng-xã với những cơ quan hành chính hàng-huyện hàng tỉnh v. v. Một điều nên giảng kỹ-lưỡng một cách đặc biệt là quyền hạn của các chức dịch đối với dân, nhất là của viên lý trưởng.

3.) Việc thuế má

Bổn phận quan trọng nhất, nặng nề nhất cho dân quê và có khi gây nhiều nỗi khổ cho họ vì sự lạm quyền của bọn chức dịch là việc đóng thuế. Giảng cách thu thuế đình, thuế điền của nhà nước như thế nào, nhất là từ khi thuế đình chia ra làm nhiều hạng tùy theo gia sản và lợi tức của từng người là một sự giúp ích đáng quý, có thể gọi là một «công ơn» đối với dân quê. Nhưng khó biết bao! Vì ta sẽ chạm đến lợi riêng của bọn dân anh trong làng mà ta phải cần được sự cộng tác trong việc lập lớp cao đẳng binh dân.

Sau khi giảng về thuế má, ta cũng nên nói qua về cách chia công điền, số công điền trong làng được bao nhiêu, quyền lợi của mỗi dân đinh là thế nào, vì việc này thường cũng có nhiều sự lạm quyền có hại cho dân em.

4.) Việc tương-trợ trong làng. — Trong dân quê, thường có những hội lương trợ gọi là «phe» góp tiền để giúp lẫn nhau trong những việc hiếu hỉ, đình đám. Đó là một sự hay. Ta nên giảng sự cần của sự tương trợ trong những việc khác, quan trọng hơn, như cho vay, tuần phòng, hỏa hoạn, tật dịch. Có nơi đã lập được hội «Nghĩa-xương» thu thóc của chủ điền, cho người nghèo vay vào những vụ giáp hạt.

Việc này là rất phải, nếu làng chưa có thì nên khuyến khích cho dân quê hiểu nghĩa cao thượng và cần thiết của sự tương trợ ấy.

Trong sự tổ chức hiện thời của các làng ta, quỹ của làng thường rất ít tiền, nên nhiều công việc ích chung là phải trông vào sự tương trợ. Cả đến việc tuần phòng nếu cứ dựa vào sức công của làng thì cũng nhiều nơi rất thiếu thốn.

VŨ ĐÌNH HOE

D O C S A C H M O ' I

Thạch - Lam : Hà-
nội băm sáu phố
phường — Đời-Này
—Toan-Ánh : Phong
Lưu Đồng Ruộng
Anh - Hoa.

Có những nhà du
lịch lấy luôn luôn
chuyến động làm mục

dịch đời mình. Bước trểng trong vườn hoa, sớm
nay họ còn ở Sở, mai họ đã sang Tê. Họ đi để mà
đi, mắt chỉ thoáng thấy phong cảnh hùng vĩ hay
hoang tàn ở các miền họ để chân tới, tai chỉ văng
vẳng một chút dư âm của âm nhạc các dân tộc
họ chen chân. Họ chỉ thấy những cái thô kệch chỉ
hiều những điều sơ lược. Tâm hồn họ tan loãng
ra bốn phương trời. Họ là người của từ xứ mà
chẳng là người của xứ nào.

Nhưng bên cạnh những con chim lang thang bất
dịch ấy có những con trai, từ mấy trăm năm nay,
vẫn bám chặt vào mồ mả, không nhúc nhích,
không sé dịch, qn thắm kết ngọc? Nó không biết
những cảnh xa trời lạ, nhưng nó thuộc hết những
cái êm đềm của những đêm đêm quanh mình, nó gọi
được hết những lượn lờ của những chú cá lừng lợ,
Khiến người ta phải tự hỏi những anh anh của hòn
ngọc tri chẳng là muốn về của tình yêu hòn đá nhỏ

Thế thì một dềng ở lại để mà biết cận kề, gần
thắm thía, một dềng ra đi để tìm cái thú trong sự
đổi thay, để yêu phơ phất, hiệp hội với những ai
chọn những bề nào?

Cho nên hai cuốn sách của ông Thạch lam và
Toan ánh đã làm cho tôi sống được mấy giờ êm
dịu tưởng nhớ tới quê hương của tôi.

Nội chuyện với những người đang yêu có một thú
vị vô cùng. Nhời nói của họ mới thấm thía làm sao,
Cái vui của họ tràn lan sang mình, làm cho cơ thể,
tâm hồn mình nở rộng, sống một cách mãnh liệt
hơn lên.

Trong các tác phẩm của ông Thạch lam, buổi
hôm nay, tôi thích nhất cuốn mới này. Câu phê bình
của tôi có thiên về tình cảm, thiếu bảo đảm về tuyệt
đối. Nhưng hãy cứ nghe nhà văn của nhóm Tự lực
là cái ngon của cơm, món quà đặc biệt. Hà-nội mà
xem : «... Các bạn có nghĩ thấy, khi đi qua những
cánh đồng xanh, mà hạt thóc nếp dần dần làm trĩa
thân lúa còn tươi, người thấy cái mùi thơm mát của
bóng lúa non không? Trong cái vỏ xanh lúa, có
một giọt sữa trắng thơm, phảng phất hương vị ngàn
hoa cỏ. Dưới ánh nắng giọt sữa dần dần đông lại
bóng lúa càng ngày càng cong xuống, nặng vì cái
chất quý trọng sạch của trời.

... Cơm là thức quà riêng biệt của đất nước, là
hương vị của những cánh đồng lúa bát ngát xanh,

mang trong hương vị của tất cả cái mội mọt. giản
dị và thanh khiết của đồng quê, nội cổ an-nam... »

Trong ba kinh đô của nước Nam này, góa Hà-nội,
vốn là khó nhất vì tình yêu đó phải lý kỳ phức tạp.
Saigon ăn ào rộn rịp, nhưng... để nhận thấy cái đặc-
sắc, Huế thì vẻ đẹp vẽ ra sông núi đó rồi. Hà-nội
không có cảnh đẹp, không có hoạt động, cả đến về
tích ngày xưa cũng còn lại rất ít. Nhưng đó là chỗ
bao nhiêu đời vua ở, đó là thủ đô của một miền
nước Việt từng bị trên Tần tràn xuống, dưới
Chàm lấn lên. Và sống ở nơi này vì đó mà phức
tạp vô cùng. Thạch lam góa Hà-nội mà nói đến
qua Hà-nội ấy đã tìm thấy cách thán hiệu nhất để
tả cái phức tạp đó ra. Cao-n Hà-nội 36 phố phường
có đủ màu : màu Trung quốc trong tiếng rao la,
màu thôn quê Việt-nam trong gánh bún riên, canh
bún, giầy giò, bánh cuốn, màu thanh lịch kẻ chợ
trong món cơm và bánh cỗ, màu giao thời trong
gánh phở, trong phong kẹo lạc vani.

Chỉ tiếc rằng nhà xuất bản đã gom góp vào đó cả
những bài mà tính cách «viết báo» rất là rõ rệt
chỉ có giá trị nhất thời như mấy bài đầu về (biển
hàng và cách viết chữ lẩy, bài cuối về các quán
khách.

Trong mấy bài đó, theo cái thích của độc giả
 đương thời, có những câu ri rôm khi rở tiền.

Một cuốn sách chỉ gồm có những bài về qua Hà
nội sẽ được hoan nghênh biết bao ! Trong văn của
Thạch lam vốn phảng phất có hồn thơ, không thể
hòa hợp được với tính cách mấy bài tới bữa hỏi tại.

Tính cách đó, lịch cách viết báo, đã làm hại
không ít cho cả cuốn « Phong lưu đồng ruộng » của
Ô. Toan Ánh. Cái ý định của ông rất đáng khen vì
nếu Hà-nội là một kinh đô phức tạp thì đất Bắc
cũng là miền mà thôn quê còn giữ nhiều thú chơi
lý thú, sinh đẹp. Tả hết được những thú chơi ấy,
tức là gọi được cái hồn phong lưu chốn quê mùa.
Phải nhìn những chiếc gấm hồng của các cô gái
trong các đám hội tháng ba này, phải ngắm những
lăm khăn quàng cổ mỡ gà của các cậu trai, xem
đàng điệu mấy ông tay chơi cần thận bung lông
chim câu hay cặp nách con gà trội mới hiểu được
rằng nơi thôn dã cũng có hồn thanh nhã riêng của
họ.

Tục hát trống quân, quan họ, tục giai gái đánh
đu xuân chẳng là những thắng trận của sức sống
đôi với cái tình thần Khổng Mạnh bằng bạc trong
không khí nước mình. Ấy chính nhờ cái phong
tình của thôn quê mà ta mới có một Hồ xuân
Hương lơ lửng.

Mỗi một thú chơi lại tiên biện cho một phần đời
sống của dân ta lấy nông làm căn bản. Thí cổ, thời
com thi, đánh cờ, săn mồi thú, chơi trâu, bầy
nhện cuộc vui cộng cộng là bấy nhiêu ánh phần
xa của nghề làm ruộng, mà tiếng riên sợ vì vu

Việc quốc tế

Từ 1 đến 15 avril 1944

Mặt trận Á-Đông

— Trên Thái-Bình-Dương, không quân Anh-Mỹ vẫn tiếp tục đánh xuống các đảo Bismarck, Nouvelle-Guinée, Marshall nhưng không có kết quả gì.

Có tin một hạm đội Đồng-minh lọt vào khu quần đảo Carolines của Nhật nhưng lại bị quân Nhật đánh lui.

— Trên biên giới Ấn-Điển, quân đội Nhật sau khi chiếm được nhiều căn cứ quan trọng (Kohima Tishen,...) đã kiểm soát được toàn khu đồng bằng Imphal.

*

Mặt trận Ý

Sau một hồi hoạt động tại vùng Cassino mang lại cho quân Đức ít nhiều thắng lợi, toàn thể mặt trận Ý, ở đây cũng như ở khu đầu cầu Nettuno, lại trở nên yên tĩnh. Tuy nhiên viện binh đối bên vẫn mang tới nhiều sau mặt trận. Quân Đồng-minh đang sửa soạn gặp một cuộc tổng-công-kích nay mai.

*

buổi chiều trên không, tiếng pháo đùng nổ là tiếng vui của thái bình.

Chỉ tiếc rằng những bài báo của Ô. Toan Ánh viết có khi vội vàng, thành ra nghệ thuật hơi trẻ nãi, không đủ sức đề cho ta sống lại một cách đắm 'hăm hồn quê. Ông chưa hóa nổi những điều ông nhận xét như Thạch lam. Vì đó mới có những chỗ tả cảnh gần như một bài tạp-vật-học. Vì đó câu chuyện của ông từ đầu đến cuối đều một giọng, chuyên một lối dẫn, dễ khiến cho người đọc sách nhàm. Lắm lúc ông Toan Ánh tránh khó khăn lảng xa đầu đề, vơ vẩn ở bên ngoài. Duyên cớ là bởi sự thiếu nhận xét. Tức như bài Dành ca, Phường săn.

Giá ông đừng phải viết báo thì sách ông thêm được bao nhiêu chất!

L. H. V.

Mặt trận Nga

— Trên phía Bắc, chung quanh Narva, Pskov, Ostrov và khu Trung-ương chung quanh Vitebsk, Orcha-Vochilov, những cuộc tấn công của Hồng-quân không có kết quả và đã tạm yên.

— Tại bán đảo Crimée, quân Nga bắt đầu tấn công dữ dội vào phía Bắc và phía Đông lấy được thành Kertch (11-4), Perekop, và Feodosia.

— Từ Kovel xuống tới Odessa, mặt trận vẫn hoạt động kịch-liệt. — Tại ba nơi: Kovel, Brody và Tarnopol Hồng-quân bao vây quân Đức nhưng bị phản công ráo riết cho nên vẫn chưa hạ được. — Nhưng từ Tiraspol đến Odessa, quân Nga thắng thế đã chiếm được Odessa (11-4) Slovorzeya Moldanasnaskya và Novo Savitskaya.

— Trên đất Lỗ, quân Đức và quân Hung-Lỗ phản-công kịch-liệt cho nên Hồng-quân tiến rất chậm ở phía Bắc Jassy và vẫn chưa vượt qua sông Prouth. Đồng thời quân Đức lo thiết lập một phòng tuyến vững vàng từ sông Prouth đến sông Danube để ngăn cản cuộc tiến của quân Sô-Viêt về nẻo cửa sông Danube và miền đầu hoả của nước Lỗ.

B. Đ. D.

Vì một lẽ riêng, truyện dài: «NHỮNG BƯỚC ĐI NGANG» của ĐỖ ĐỨC THU tạm nghỉ kỳ này và kỳ sau—Xin các bạn đọc lượng thứ.

ĐỜI SỐNG ĐÔNG-ĐƯƠNG:

Việc vận-tải bằng đường thủy và việc kiểm-sát các thuyền chở hàng đi bề dưới quyền chính-phủ

Vì một lẽ riêng, bài này không đáng được.

THU-XÃ
ALEXANDRE DE RHODES

MỚI XUẤT BẢN:

LÊN TÂM

của TẢN-ĐÀ

80 trang lớn, khổ 22×32, toàn tranh ảnh và vĩa 4 màu của họa-sĩ Mạnh-Quỳnh. Một cuốn sách tập-đọc rất lý-thú bằng thơ của thi-sĩ Tản-Đà để dạy những trẻ em, được học và được vui-thích.

Bản thường.. .. 1\$50
Bản giấy Đại-La 6,00
cước 0,50

— TÔNG PHÁT HÀNH —
MAI-LÍNH — HANOI

Đã có bán

TRIẾT HỌC ARISTOTE

của NGUYỄN ANH NGHĨA

Một trong những công trình vĩ đại nhất của tư-
tưởng nhân loại — Trải hơn hai nghìn năm đã được
coi như kinh thánh trong học đường và giáo đường.

Giá: 3\$80

Sắp có bán

TÌM NGHĨA VĂN HỌC

của Nguyễn Hưng Phần

NHÀ XUẤT BẢN TÂN VIỆT

29, Lamblot — Hanoi

= THANH NIÊN =

TUẦN BÁO RA NGÀY THỨ BẢY

TƯ-TƯỞNG — VĂN-İ-ÖA — NGHỆ-THUẬT

Gây tình đoàn-kết giữa người Việt ba kỳ.
Khuyến-khích hoạt-động để chứng tỏ sức sống
của người Việt.

Phụng-sự nghệ-thuật nước nhà trên con
đường mới.

NHÀ XUẤT BẢN THỜI ĐẠI

214, Hàng Bông — HÀ NỘI

HAI CUỐN SÁCH MỚI:

NGẠM NGÃI TÌM TRẦM
(Thanh Tịnh) 2\$00

VANG BÓNG MỘT THỜI
(Nguyễn Tuân) 5\$00

Đang in:

TRAI NƯỚC NAM LÀM GÌ?
HOÀNG ĐẠO THÚY (Tái bản)

HƠI THỞ TÀN
(NGUYỄN HỒNG)

T H Ờ I Đ A I

THỜI ĐẠI

VÀ BA HỌA SĨ: NGUYỄN GIA TRÍ,

LUƠNG XUÂN NHỊ, TRẦN VĂN CẦN

TRÌNH BÀY:

BA TÁC PHẨM CỦA XUÂN DIỆU

TRƯỜNG CA (Văn)

*

GỬI HƯƠNG CHO GIÓ (Thơ)

*

PHẤN THÔNG VÀNG

(Truyện ngắn — tái bản)